

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Tạ Ngọc Thiên Trang

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
TÍCH HỢP GIÁO DỤC CÔNG DÂN SỐ
TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI
Ở TIỂU HỌC

Mã sinh viên: 2652020615

Ngành: Giáo dục Tiểu học

NINH BÌNH, (2026)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ
KHOA SƯ PHẠM TIỂU HỌC – MẦM NON

Tạ Ngọc Thiên Trang

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP
TÍCH HỢP GIÁO DỤC CÔNG DÂN SỐ
TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI
Ở TIỂU HỌC

Mã sinh viên: 2652020615

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Người hướng dẫn: ThS. Lê Thị Thu Hương

NINH BÌNH, (2026)

LỜI CẢM ƠN

Em xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới Ban Giám hiệu cùng toàn thể quý thầy cô giáo Trường Đại học Hoa Lư, đặc biệt là các thầy cô trong Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non, đã luôn tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới ThS. Lê Thị Thu Hương – Giảng viên Khoa Sư phạm Tiểu học – Mầm non, người đã trực tiếp hướng dẫn và tận tình chỉ bảo em trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Những ý kiến góp ý quý báu cùng sự động viên của cô đã giúp em có thêm động lực, định hướng và mở rộng hiểu biết trong quá trình nghiên cứu.

Dù đã nỗ lực hoàn thành khóa luận với tinh thần nghiêm túc và trách nhiệm, song bài viết khó tránh khỏi những hạn chế. Em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến và chỉ dẫn từ quý thầy cô và các bạn để khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Sinh viên

Tạ Ngọc Thiên Trang

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đề tài khóa luận: ***“Tích hợp giáo dục công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học”*** là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi.

Các số liệu, thống kê và kết luận nghiên cứu được trình bày trong khóa luận là trung thực, có nguồn gốc cụ thể, rõ ràng và chưa từng được công bố trong bất cứ công trình khoa học nào trước đây. Tôi xin chịu trách nhiệm về sự cam đoan này.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Sinh viên

Tạ Ngọc Thiên Trang

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

Đề tài khóa luận tốt nghiệp ***“Tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học”*** là công trình nghiên cứu của sinh viên Tạ Ngọc Thiên Trang, nội dung trong đề tài chưa công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Trong đề tài có sự tham khảo một số tài liệu có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Đề tài đã được chỉnh sửa theo góp ý của Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp ngày 20/5/2026.

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

Người hướng dẫn

ThS. Lê Thị Thu Hương

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Nghĩa
1	BGDĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
2	CT GDPT 2018	Chương trình Giáo dục phổ thông 2018
3	DHTH	Dạy học tích hợp
4	GDTH	Giáo dục Tiểu học
5	GV	Giáo viên
6	HS	Học sinh
7	KNCDS	Kĩ năng công dân số
8	Nxb	Nhà xuất bản
9	PPDH/KTDH	Phương pháp dạy học/Kĩ thuật dạy học
10	PGS.TS	Phó giáo sư. Tiến sĩ
11	SGK	Sách giáo khoa
12	TT	Thông tư
13	ThS	Thạc sĩ

DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH VẼ

Biểu đồ 1.1. Tỉ số phần trăm mức độ hiểu biết về kĩ năng công dân số.....	32
Biểu đồ 1.2. Tỉ số phần trăm mức độ cần thiết tích hợp giáo dục công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội.....	33
Bảng 1 3. Các kĩ năng công dân số cần được hình thành cho học sinh tiểu học	34
Bảng 1 4. Lợi ích của tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh	34
Biểu đồ 1.5. Tỉ số phần trăm mức độ thực hiện tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	36
Biểu đồ 1.6. Biểu đồ thể hiện các hình thức tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.....	37
Bảng 1.7. Khó khăn khi thực hiện tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	38
Bảng 1.8. Giải pháp để nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.....	39
Bảng 2.1. Thống kê một số bài dạy tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 1, 2, 3	47
Bảng 2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội	100

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU.....	1
1. Lý do chọn đề tài.....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	3
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
3.1. Mục đích.....	5
3.2. Nhiệm vụ.....	5
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	5
4.1. Đối tượng.....	5
5. Phương pháp nghiên cứu.....	6
5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết.....	6
5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn.....	6
5.3. Nhóm phương pháp xử lí số liệu bằng thống kê toán học.....	6
6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn.....	6
6.1. Ý nghĩa khoa học.....	6
6.2. Ý nghĩa thực tiễn.....	6
CHƯƠNG 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU.....	7
1.1. Cơ sở lí luận.....	7
1.1.1. Khái quát về dạy học tích hợp.....	7
1.1.1.1. Khái niệm về dạy học tích hợp.....	7
1.1.1.2. Mục tiêu dạy học tích hợp.....	8
1.1.1.3. Đặc điểm dạy học tích hợp.....	9
1.1.1.4. Hình thức và mức độ dạy học tích hợp.....	10
1.1.1.5. Quy trình dạy học tích hợp.....	11
1.1.2. Khái quát nội dung giáo dục kĩ năng công dân số.....	13
1.1.2.1. Khái niệm về công dân số và công dân số an toàn.....	13
1.1.2.2. Ý nghĩa của việc giáo dục ý thức công dân số cho học sinh tiểu học.....	14
1.1.2.3. Khung năng lực số cho học sinh tiểu học.....	15
1.1.3. Khái quát nội dung, chương trình môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.....	27
1.1.3.1. Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.....	27

1.1.3.2. Khả năng dạy học tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội.....	28
1.2. Cơ sở thực tiễn	30
1.2.1. Khái quát về quá trình điều tra.....	30
1.2.1.1. Mục đích điều tra.....	30
1.2.1.2. Đối tượng điều tra	30
1.2.1.3. Nội dung điều tra.....	30
1.2.1.4. Các phương pháp điều tra	31
1.2.2. Kết quả điều tra	31
1.2.2.1. Nhận thức của giáo viên tiểu học về việc tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.....	31
Kết luận chương 1.....	41
CHƯƠNG 2 TÍCH HỢP GIÁO DỤC KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC.....	42
2.1. Các nguyên tắc tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội	42
2.1.1. Đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội	42
2.1.2. Đảm bảo tính vừa sức.....	43
2.1.3. Đảm bảo tính xác thực với thực tiễn.....	43
2.1.4. Đảm bảo tính linh hoạt và sáng tạo	43
2.1.5. Đảm bảo tính khả thi và hiệu quả.....	44
2.2. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội	45
2.2.1. Bước 1: Xác định mục tiêu/Yêu cầu cần đạt của bài học.....	45
2.2.2. Bước 2: Lựa chọn nội dung giáo dục kĩ năng công dân số	45
2.2.3. Bước 3: Xác định hình thức và mức độ tích hợp.....	46
2.2.4. Bước 4: Xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp	46
2.3. Thiết kế kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội.....	46
2.3.1. Lớp 1.....	55
2.3.2. Lớp 2.....	72
2.3.3. Lớp 3.....	86
2.4. Đánh giá hiệu quả kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kĩ năng công	

dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.....	99
2.4.1. Mục đích đánh giá.....	99
2.4.2. Nội dung và tiêu chí đánh giá.....	99
2.4.3. Cách xử lý kết quả đánh giá	99
2.4.4. Kết quả đánh giá	100
Kết luận chương 2.....	103
KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ.....	104
1. Kết luận	104
2. Kiến nghị	104
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	105
PHỤ LỤC	108

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong kỉ nguyên số, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học – công nghệ đã và đang thâm nhập mạnh mẽ và làm thay đổi sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên phạm vi toàn cầu. Công nghệ số, Internet và mạng xã hội không chỉ là phương tiện thông tin – giải trí mà còn trở thành công cụ quan trọng để con người học tập, làm việc, giao tiếp và phát triển năng lực cá nhân. Ở Việt Nam, chủ trương chuyển đổi số quốc gia đang được đẩy mạnh, hướng tới mục tiêu hình thành nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng với bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa. Trong giáo dục, đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030” (Thủ tướng Chính phủ, 2022) [14] và Công văn số 3899/ BGDDT-GDTH của Bộ Giáo dục và Đào tạo [5] nêu rõ: “Thực hiện hiệu quả giáo dục kĩ năng công dân số, đưa nội dung phổ cập kĩ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp Tiểu học để hình thành sớm các kĩ năng cần thiết cho công dân số” cũng cho thấy sự coi trọng của Nhà nước đối với việc trang bị cho thế hệ trẻ những kĩ năng số nền tảng, góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của thời kì chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Cùng nằm trong dòng chảy đó, trẻ em Việt Nam, đặc biệt là học sinh tiểu học, có điều kiện tiếp cận với các thiết bị thông minh và môi trường mạng từ rất sớm. Điều này mang lại nhiều lợi ích trong học tập, giải trí, giao tiếp, nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn không ít rủi ro liên quan đến việc bảo mật thông tin, an toàn khi tương tác trên không gian mạng và nguy cơ bị ảnh hưởng bởi các nội dung tiêu cực. Do đặc điểm tâm sinh lí của học sinh tiểu học thường hiếu động, tò mò, thích khám phá nhưng khả năng tự kiểm soát hành vi và nhận thức hậu quả còn hạn chế. Chính vì vậy, giáo dục kĩ năng công dân số an toàn cho học sinh ngay từ bậc tiểu học là vấn đề cấp thiết, mang tính chiến lược lâu dài trong công tác giáo dục thế hệ trẻ.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy việc trang bị kiến thức và kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học vẫn còn nhiều hạn chế như: các hướng dẫn cụ thể về cách sử dụng Internet an toàn, bảo mật thông tin cá nhân hay ứng xử văn minh trên không gian mạng. Điều này khiến học sinh tiểu học thiếu nền tảng cần thiết để tham gia môi trường số một cách tự tin, an toàn và có trách nhiệm. CT GDPT 2018 với định hướng phát triển phẩm chất và năng lực đã mở ra cơ hội lớn để giải quyết hạn chế nêu trên. Chương trình không chỉ trang bị tri thức cho học sinh mà còn nhấn mạnh việc hình thành các năng lực cốt lõi như tự chủ, giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề và đặc biệt là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin – truyền thông. Đây chính là cơ sở quan trọng để đưa nội dung giáo dục công dân số vào giảng dạy một cách có hệ thống, góp phần giúp học sinh hình thành kỹ năng số cần thiết trong thời đại mới.

Trong đó, môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học là môn học có tính tích hợp cao, gắn liền với đời sống hằng ngày của học sinh, bao gồm các mảng kiến thức về bản thân, gia đình, cộng đồng, môi trường tự nhiên và xã hội. Nội dung của môn học đề cập trực tiếp đến những hành vi, kỹ năng sống, cách ứng xử an toàn và trách nhiệm – đây là điều kiện thuận lợi để lồng ghép giáo dục công dân số. Thông qua các chủ đề gần gũi với các tình huống sử dụng công nghệ, giao tiếp trực tuyến, thông tin số như: giữ an toàn cho bản thân, phòng tránh nguy hiểm, giao tiếp ứng xử, bảo vệ môi trường..., giáo viên có thể thuận lợi tích hợp nội dung an toàn số, giúp học sinh không chỉ hiểu về an toàn trong đời sống thực mà còn trong môi trường mạng. Nhờ đó, môn học trở thành nền tảng để hình thành năng lực công dân số, đáp ứng yêu cầu của chương trình mới và xu thế phát triển của xã hội hiện đại.

Xuất phát từ bối cảnh nêu trên, chúng tôi đã quyết định lựa chọn đề tài ***“Tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học”*** với mong muốn không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận cho việc triển khai dạy học tích hợp theo định hướng của CT GDPT 2018, mà còn mang giá trị thực tiễn trong việc hỗ trợ giáo viên thiết kế các hoạt động học tập sáng tạo, giúp học sinh rèn luyện kỹ năng công dân số an toàn, văn minh và có trách nhiệm - đúng với mục tiêu đào tạo con người toàn diện trong thời đại số.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong bối cảnh công cuộc chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, giáo dục công dân số đã trở thành chủ đề được nhiều quốc gia quan tâm. Nhiều nghiên cứu tập trung làm rõ vai trò của công dân số trong việc hình thành năng lực sử dụng công nghệ an toàn, có trách nhiệm và đạo đức. Các công trình nghiên cứu cho thấy, việc tích hợp giáo dục công dân số vào chương trình học là xu hướng tất yếu nhằm giúp người học thích ứng với xã hội số, đồng thời phát triển các năng lực như tư duy phản biện, năng lực thông tin, an toàn mạng và đạo đức số.

Trên thế giới, các nghiên cứu về chủ đề này còn chưa phổ biến. Một nghiên cứu điển hình cho đề tài này là “Xác định các yếu tố quan trọng trong chương trình giáo dục công dân số” (Identification of Important Factors in Digital Citizenship Learning Curriculum) của Alex Budiyanto, Lukito Edi Nugroho và Paulus Insap Santosa (2022) [26] đã xác định các yếu tố cốt lõi trong chương trình giáo dục công dân số tại Indonesia. Nghiên cứu xuất phát từ thực trạng nhận thức còn hạn chế về tội phạm mạng và đạo đức số, qua đó đề xuất ba miền nội dung chính phản ánh mức độ trưởng thành trong việc sử dụng công nghệ. Kết quả giúp định hướng xây dựng khung năng lực và phát triển chương trình giáo dục công dân số phù hợp với bối cảnh Indonesia. Nhiều quốc gia như Mỹ, Anh, Hàn Quốc, Singapore cũng đã tích hợp giáo dục công dân số vào chương trình học phổ thông, nhấn mạnh đến các yếu tố an toàn thông tin, đạo đức trực tuyến và năng lực tham gia xã hội số.

Còn ở Việt Nam, sau hơn 30 năm đổi mới cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, ngành giáo dục Việt Nam đã có nhiều nỗ lực trong việc đổi mới chương trình và phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu của thời đại số. Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 đã nhấn mạnh đến việc hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện cho học sinh, trong đó có năng lực công nghệ và kỹ năng công dân số – những yếu tố quan trọng giúp thế hệ trẻ hội nhập và thích ứng trong xã hội hiện đại. Một số

nghiên cứu đã bước đầu làm rõ khái niệm, cấu trúc năng lực công dân số và đề xuất giải pháp tích hợp nội dung này vào các môn học như:

Tài liệu “Tập huấn triển khai thí điểm giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo [21] cung cấp cơ sở lý luận, khung năng lực số và định hướng triển khai cho giáo viên. Nội dung tập trung vào việc hình thành cho học sinh các năng lực sử dụng thiết bị số, tìm kiếm và đánh giá thông tin, sáng tạo nội dung số, an toàn – an ninh mạng và ứng xử có trách nhiệm trên môi trường số. Tài liệu cũng giới thiệu các hình thức tổ chức dạy học (tích hợp, tăng cường, câu lạc bộ) cùng hệ thống bài dạy minh họa, giúp giáo viên áp dụng vào thực tiễn. Qua đó, học sinh tiểu học được trang bị nền tảng để trở thành công dân số an toàn, tích cực và trách nhiệm.

“Khung năng lực số và đề xuất nội dung giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học” của ThS. Cao Hồng Huệ (Viện Công nghệ thông tin - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2) [22] đã xây dựng khung năng lực số cho học sinh tiểu học với 7 nhóm năng lực chính: sử dụng thiết bị số, kỹ năng thông tin – dữ liệu, giao tiếp và hợp tác, tạo sản phẩm số, an toàn số, giải quyết vấn đề, và định hướng nghề nghiệp liên quan. Nội dung giáo dục kỹ năng công dân số được đề xuất triển khai thông qua ba hình thức: dạy học môn Tin học, tích hợp trong các môn khác (Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Công nghệ...), và tăng cường bằng các hoạt động, câu lạc bộ. Tài liệu cũng minh họa một số bài học cụ thể, nhấn mạnh việc trang bị sớm KNCDS cho học sinh ở các lớp tiểu học.

Tác giả Bảo An với bài viết “Phát triển kỹ năng công dân số cho học sinh phổ thông” [23] đăng trên Tạp chí Giáo dục (ngày 12/11/2024) cho thấy sự coi trọng của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với việc giáo dục kỹ năng công dân số: “Tại Việt Nam, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học cũng được xem là một trong những nhiệm vụ có tầm quan trọng đặc biệt.”

Ngoài ra, một số tài liệu bồi dưỡng giáo viên và học liệu điện tử thí điểm cũng đã bước đầu cung cấp cơ sở để giáo viên tiểu học tiếp cận với nội dung giáo dục công dân số.

Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có nghiên cứu nào về việc tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. Vì vậy, chúng tôi muốn đi sâu nghiên cứu về vấn đề “***Tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học***” không chỉ giúp giáo viên, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học có thêm tài liệu tham khảo hữu ích cho việc dạy học, đáp ứng nhu cầu đổi mới giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học mà còn giúp học sinh hình thành các kỹ năng số cần thiết góp phần thực hiện mục tiêu của Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 là phát triển phẩm chất, năng lực toàn diện, đáp ứng yêu cầu công dân trong thời đại chuyển đổi số.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích

Tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội nhằm giúp học sinh tiểu học trang bị các kiến thức an toàn khi tiếp xúc với môi trường số.

3.2. Nhiệm vụ

- Tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn về dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học nói chung và ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình nói riêng.

- Xây dựng các nguyên tắc và đề xuất quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.

- Thiết kế một số kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.

- Đánh giá hiệu quả kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng

Tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

4.2. Phạm vi

- Nội dung nghiên cứu: Tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.

- Phạm vi điều tra: Cán bộ, giáo viên của một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

- Phạm vi thời gian: Từ tháng 11 năm 2025 đến tháng 4 năm 2026.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết

Từ việc tìm hiểu các nguồn tài liệu như giáo trình, sách, báo, Internet,... chúng tôi tiến hành thu thập, nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, xử lý các thông tin, dữ liệu làm cơ sở lí luận cho vấn đề nghiên cứu.

5.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp điều tra*: Tiến hành khảo sát, thăm dò ý kiến của các cán bộ, giáo viên tiểu học bằng các hình thức như: phát phiếu hỏi hoặc phỏng vấn trực tiếp để tìm hiểu thực trạng tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.

- *Phương pháp chuyên gia*: Xin ý kiến các cán bộ, giáo viên tiểu học, các thầy cô giáo trực tiếp giảng dạy môn Tự nhiên và Xã hội ở trường tiểu học để đánh giá chất lượng và hiệu quả của việc tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.

5.3. Nhóm phương pháp xử lí số liệu bằng thống kê toán học

Sử dụng một số phương pháp thống kê toán học (công thức toán thống kê kết hợp phần mềm Excel để xử lý số liệu), lập bảng so sánh số liệu, lập biểu đồ,... để phân tích về định lượng và định tính kết quả nghiên cứu. Qua đó nhằm nâng cao tính thuyết phục và tính thực tiễn của đề tài.

6. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn

6.1. Ý nghĩa khoa học

Góp phần hệ thống hóa cơ sở lí luận và thực tiễn về dạy học tích hợp nội dung giáo dục KNCDS trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên, sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học và giáo viên dạy môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận

1.1.1. Khái quát về dạy học tích hợp

1.1.1.1. Khái niệm về dạy học tích hợp

Khái niệm dạy học tích hợp được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau bởi các nhà nghiên cứu giáo dục trong và ngoài nước, phản ánh sự đa dạng nhưng thống nhất về bản chất của quan điểm này.

Trước hết, D. Xavier Roegiers tiếp cận dạy học tích hợp dưới góc độ sự phạm tích hợp (Pedagogy of Integration) - một quan điểm có ảnh hưởng sâu rộng đến công cuộc đổi mới giáo dục tại Việt Nam. Theo ông, "Tích hợp là một hoạt động thiết lập các mối liên hệ giữa các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một tình huống phức hợp (tình huống tích hợp). Mục tiêu cuối cùng là làm cho học sinh trở nên năng động, biết huy động nguồn lực để hành động" [20].

Từ góc nhìn khác, UNESCO nhấn mạnh vai trò của tích hợp trong việc trình bày tri thức khoa học. Theo đó, "Dạy học tích hợp là một cách trình bày các khái niệm và nguyên lý khoa học cho phép diễn đạt sự thống nhất cơ bản của tư tưởng khoa học, tránh nhấn mạnh hoặc quá sớm sự sai khác giữa các lĩnh vực khoa học khác nhau" [10].

Hay trong nghiên cứu "Tích hợp trong chương trình giáo dục phổ thông mới" của PGS.TS.Đỗ Ngọc Thống đã viết rằng: "Chương trình giáo dục mới của Phần Lan chủ trương triển khai tích hợp theo hướng "xác định mục tiêu dựa trên những yêu cầu về năng lực và tăng cường sự kết hợp giữa các môn học khác nhau", "nghiên cứu về các hiện tượng hay chủ đề mà HS có hứng thú, ở đó yêu cầu liên kết, tổng hợp các kiến thức đã học trong nhiều môn học khác nhau theo hướng nghiên cứu liên môn (multidisciplinary studies)" [17].

Song song với các quan điểm quốc tế, các nhà khoa học giáo dục Việt Nam cũng đưa ra những định nghĩa phù hợp với bối cảnh đổi mới giáo dục. Từ điển Giáo dục học tiếp cận khái niệm này dưới góc độ tổ chức dạy học, cho rằng "DHTH là

hành động liên kết các đối tượng nghiên cứu, giảng dạy, học tập của cùng một lĩnh vực hoặc vài lĩnh vực khác nhau trong cùng một kế hoạch dạy học” [9].

Bên cạnh đó, theo Đỗ Ngọc Thống: “Dạy học tích hợp là định hướng dạy học trong đó GV tổ chức, hướng dẫn để học sinh (HS) phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, thông qua đó hình thành những kiến thức, kỹ năng mới; giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống được thực hiện ngay trong quá trình lĩnh hội tri thức và rèn luyện kỹ năng; phát triển được năng lực cần thiết, nhất là năng lực vận dụng tổng hợp các tri thức, kỹ năng và giải quyết vấn đề. Tính tích hợp thể hiện qua sự huy động, kết hợp, liên hệ các yếu tố có liên quan với nhau của nhiều lĩnh vực để giải quyết có hiệu quả một vấn đề và thường đạt được nhiều mục tiêu khác nhau” [14].

Đồng quan điểm đó, nhóm tác giả Đỗ Hương Trà cho rằng: “Tích hợp có nghĩa là sự hợp nhất, sự hòa nhập, sự kết hợp. Đó là sự hợp nhất hay nhất thể hóa các bộ phận khác nhau để đưa tới một đối tượng mới như là một thể thống nhất dựa trên những nét bản chất của các thành phần đối tượng chứ không phải là phép cộng giản đơn những thuộc tính của các thành phần ấy. Dạy học tích hợp là một quan điểm sư phạm, ở đó người học cần huy động mọi nguồn lực để giải quyết một tình huống phức hợp - có vấn đề nhằm phát triển các năng lực và phẩm chất cá nhân” [15].

Tựu trung lại: "Dạy học tích hợp là định hướng dạy học giúp học sinh phát triển khả năng huy động tổng hợp kiến thức, kỹ năng, ... thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết có hiệu quả các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống".

1.1.1.2. Mục tiêu dạy học tích hợp

Mục tiêu cốt lõi của dạy học tích hợp là phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất học sinh thông qua việc kết hợp kiến thức, kỹ năng từ nhiều lĩnh vực, môn học khác nhau để giải quyết các vấn đề thực tiễn. Phương pháp này giúp tinh giản chương trình, nâng cao tư duy liên môn, kỹ năng vận dụng thực tế và khả năng sáng tạo. Các mục tiêu cụ thể bao gồm [8]:

- Làm cho quá trình học tập có ý nghĩa bằng cách gắn học tập với cuộc sống hằng ngày, trong quan hệ với các tình huống cụ thể mà học sinh sẽ gặp sau này, hòa nhập thể giới học đường với thể giới cuộc sống.

- Phân biệt cái cốt yếu với cái ít quan trọng hơn. Cái cốt yếu là những năng lực cơ bản cần cho học sinh vận dụng và xử lý những tình huống có ý nghĩa trong cuộc sống, hoặc đặt cơ sở không thể thiếu cho quá trình học tập tiếp theo.

- Dạy sử dụng kiến thức trong tình huống cụ thể. Thay vì tham nhồi nhét cho học sinh nhiều kiến thức lý thuyết đủ loại, dạy học tích hợp chú trọng tập dượt cho học sinh vận dụng các kiến thức, kỹ năng học được vào các tình huống thực tế, có ích cho cuộc sống sau này làm công dân, làm người lao động, làm cha mẹ, có năng lực sống tự lập.

- Xác lập mối liên hệ giữa các khái niệm đã học. Trong quá trình học tập, học sinh có thể lần lượt học những môn học khác nhau, những phần khác nhau trong mỗi môn học nhưng học sinh phải biểu đạt các khái niệm đã học trong những mối quan hệ hệ thống trong phạm vi từng môn học cũng như giữa các môn học khác nhau. Thông tin càng đa dạng, phong phú thì tính hệ thống phải càng cao, có như vậy thì các em mới thực sự làm chủ được kiến thức và vận dụng được kiến thức đã học khi phải đương đầu với một tình huống thách thức bất ngờ, chưa từng gặp.

Như vậy, dạy học tích hợp là quy trình tích hợp để người học có thể sử dụng kiến thức một cách linh hoạt, hiệu quả, đặc biệt trong việc giải quyết các nhiệm vụ phức hợp và tình huống thực tiễn.

1.1.1.3. Đặc điểm dạy học tích hợp

Theo các tài liệu về dạy học tích hợp, dạy học tích hợp có những đặc điểm sau:

- Tính thống nhất và sự kết nối giữa các mảng kiến thức: Đặc điểm nổi bật nhất của dạy học tích hợp là việc phá bỏ các "bức tường" ngăn cách giữa các môn học đơn lẻ để thiết lập những mối liên hệ hữu cơ. Thay vì giảng dạy các khái niệm một cách rời rạc, phương pháp này hướng tới việc liên kết các nội dung có điểm chung về lý thuyết hoặc thực tiễn. Theo Xavier Roegiers (1996) trong cuốn Khoa sư phạm tích hợp [20], bản chất của việc này không chỉ là phép cộng đơn giản

giữa các môn học, mà là quá trình thiết lập các mối liên hệ giữa các kiến thức, kỹ năng khác nhau để giúp học sinh nắm bắt được một chỉnh thể kiến thức toàn diện và sâu sắc hơn.

- Định hướng phát triển năng lực và thực hành: Dạy học tích hợp chuyển trọng tâm từ việc truyền thụ kiến thức sang hình thành năng lực cho người học. Trong quá trình này, học sinh buộc phải huy động tổng hợp các nguồn lực (kiến thức, kỹ năng, thái độ) để giải quyết các tình huống phức hợp. Đặc điểm này được thể hiện rõ nét trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, khi coi tích hợp là nguyên tắc chủ đạo để phát triển các năng lực cốt lõi. Việc học không còn dừng lại ở việc ghi nhớ mà trở thành quá trình kiến tạo, giúp học sinh biết cách vận dụng những gì đã học vào các bối cảnh mới và đa dạng.

- Gắn kết chặt chẽ với thực tiễn cuộc sống: Một đặc điểm quan trọng khác là tính thực tiễn cao của các nội dung học tập. Các chủ đề tích hợp thường bắt nguồn từ những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống thực tế (như biến đổi khí hậu, năng lượng, hay sức khỏe cộng đồng). Khi dạy học hướng vào người học thông qua các chủ đề thực tế, học sinh sẽ nhận thấy ý nghĩa của tri thức, từ đó tạo ra động lực học tập tự thân mạnh mẽ. Điều này giúp thu hẹp khoảng cách giữa lý thuyết học đường và thực tế xã hội, biến nhà trường thành môi trường mô phỏng các vấn đề của thế giới thực.

- Tối ưu hóa quá trình học tập và giảm tải nội dung: Dạy học tích hợp giúp loại bỏ những nội dung trùng lặp giữa các môn học, từ đó tiết kiệm thời gian và giảm bớt gánh nặng chương trình cho học sinh. Bằng cách xây dựng các chủ đề xuyên môn, giáo viên có thể khai thác một vấn đề dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Đặc điểm này không chỉ giúp học sinh hiểu vấn đề một cách đa chiều mà còn giúp hệ thống giáo dục trở nên tinh gọn, hiệu quả hơn, tập trung vào những giá trị tri thức cốt lõi và có tính ứng dụng cao nhất.

1.1.1.4. Hình thức và mức độ dạy học tích hợp

Dạy học tích hợp là phương thức tổ chức dạy học kết hợp kiến thức, kỹ năng từ nhiều lĩnh vực khác nhau để giải quyết các vấn đề thực tiễn, phát triển toàn diện năng lực học sinh. Các hình thức chính bao gồm: tích hợp nội môn, liên môn, đa

môn và xuyên môn [4] với mức độ từ liên hệ, mở rộng đến lồng ghép và hòa trộn sâu sắc.

a. Hình thức dạy học tích hợp:

- Tích hợp nội môn : Tích hợp được thực hiện thông qua việc loại bỏ những nội dung trùng lặp và khai thác sự hỗ trợ giữa các nội dung khác nhau trong cùng một môn học để giải quyết chủ đề bài học.

- Tích hợp liên môn: Kết hợp kiến thức, kỹ năng từ hai hoặc nhiều môn học có liên quan chặt chẽ để cùng khám phá một chủ đề chung.

- Tích hợp đa môn: Sử dụng một vấn đề, chủ đề vào nhiều môn học khác nhau, tập trung vào bối cảnh kiến thức và trải nghiệm.

- Tích hợp xuyên môn: Dạy học một vấn đề nằm ngoài phạm vi môn học thông thường, kết nối kiến thức và kỹ năng từ nhiều lĩnh vực để hiểu rõ thế giới xung quanh.

b. Mức độ tích hợp:

- Mức độ toàn phần: Nội dung tích hợp được lồng ghép một cách hữu cơ, hòa quyện hoàn toàn vào nội dung của môn học chính. Mục tiêu của kiến thức tích hợp và kiến thức môn học gần như tương đương, khó tách rời.

- Mức độ bộ phận: Chỉ một phần hoặc một vài nội dung của kiến thức cần tích hợp được đưa vào một bài học cụ thể, không bao phủ toàn bộ. Môn học chính vẫn giữ vai trò chủ đạo.

- Mức độ liên hệ: Giáo viên chỉ liên hệ, mở rộng hoặc gợi mở kiến thức từ các môn học khác hoặc thực tế đời sống để làm rõ, làm sinh động thêm nội dung bài học chính mà không làm thay đổi cấu trúc bài học.

1.1.1.5. Quy trình dạy học tích hợp

Có nhiều quan điểm khác nhau về quy trình tổ chức dạy học tích hợp:

Theo tác giả Lê Thị Mỹ Trà [16], việc tổ chức dạy học tích hợp nội dung bài học của một môn học gồm 4 bước như sau:

- Bước 1: Phân tích nội dung bài dạy và tìm các nội dung có mối quan hệ gần với nội dung bài dạy ở chương trình và sách giáo khoa các khối lớp, kiến thức thực tiễn cuộc sống... nhằm có định hướng dạy nội dung bài. Bên cạnh đó, GV

cần xác định mục đích việc tích hợp nhằm để ghi nhớ, làm sáng tỏ nội dung, mở rộng kiến thức...

- Bước 2: Xác định mục tiêu: GV cần xác định rõ kiến thức, kỹ năng, thái độ và định hướng năng lực cụ thể hình thành cho HS.

- Bước 3: Xác định phương pháp, phương tiện: Việc xác định phương pháp cần đảm bảo mối quan hệ ba thành tố; phương pháp dạy học - nội dung - nhận thức đối tượng HS. Sau đó, xác định phương tiện hỗ trợ cho triển khai dạy học.

- Bước 4: Xây dựng kế hoạch bài dạy.

Theo tác giả Trần Thị Thanh Thủy [18], việc tổ chức dạy học tích hợp gồm 7 bước như sau:

- Bước 1: Xác định mục tiêu và sản phẩm đầu ra cho học sinh.
- Bước 2: Lựa chọn nội dung, tình huống tích hợp.
- Bước 3: Xác định các yếu tố khác của quá trình dạy học.
- Bước 4: Thiết kế các hoạt động dạy học.
- Bước 5: Xây dựng công cụ đánh giá.
- Bước 6: Tổ chức dạy học.
- Bước 7: Đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học.

Tác giả Nguyễn Văn Biên [6] cho rằng, tổ chức DHTH có thể thực hiện qua 7 bước như sau:

- Bước 1: Lựa chọn chủ đề.
- Bước 2: Xác định các vấn đề (câu hỏi) cần giải quyết trong chủ đề.
- Bước 3: Xác định các kiến thức cần thiết để giải quyết các vấn đề.
- Bước 4: Xây dựng mục tiêu dạy học chủ đề.
- Bước 5: Xây dựng các nội dung hoạt động dạy học của chủ đề.
- Bước 6: Lập kế hoạch dạy học chủ đề.
- Bước 7: Tổ chức dạy học và đánh giá.

Quy trình do Nguyễn Văn Biên và Trần Thị Thanh Thủy đề xuất tương đối phù hợp trong việc thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp liên môn, đồng thời cũng có thể vận dụng hiệu quả khi tổ chức dạy học tích hợp một nội dung giáo dục cụ thể trong chương trình tiểu học. Tuy vậy, quy trình này vẫn chưa làm rõ cách thức lựa chọn và xác định các nội dung cần tích hợp vào quá trình dạy học. Còn ở quy

trình của tác giả Lê Thị Mỹ Trà đã phân tích rõ cách thức tiến hành xây dựng nội dung bài học tích hợp nhưng lại thiếu phần tổ chức dạy học và đánh giá, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp.

Như vậy, qua quá trình nghiên cứu và tìm hiểu các quy trình dạy học tích hợp, chúng tôi nhận thấy các quy trình nêu trên đã bao quát đầy đủ những bước cơ bản để tổ chức dạy học tích hợp. Trong đó, việc xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp giữ vai trò then chốt, giúp giáo viên định hướng rõ ràng cách thức triển khai hoạt động dạy học.

1.1.2. Khái quát nội dung giáo dục kỹ năng công dân số

1.1.2.1. Khái niệm về công dân số và công dân số an toàn

a. Công dân số:

Trong kỷ nguyên cách mạng công nghiệp 4.0, khái niệm công dân số đã trở thành một thành tố then chốt trong cấu trúc năng lực của con người hiện đại. Theo Luật Chuyển đổi số 2015, “công dân số là cá nhân có khả năng truy cập, sử dụng, tham gia các hoạt động trên môi trường số một cách an toàn, hiệu quả theo quy định của pháp luật” [19]. Về mặt thuật ngữ, công dân số được hiểu là những cá nhân có khả năng sử dụng các công nghệ kỹ thuật số một cách thành thạo, tự tin và có trách nhiệm để tham gia vào mọi khía cạnh của đời sống xã hội. Theo quan điểm của các nhà nghiên cứu giáo dục, việc trở thành một công dân số không chỉ dừng lại ở trình độ kỹ thuật mà còn bao hàm cả tư duy phê phán và ý thức đạo đức trong môi trường trực tuyến. Có thể hiểu rằng: Công dân số là cá nhân sử dụng công nghệ thông tin, internet và các thiết bị kỹ thuật số để truy cập thông tin, giao tiếp, học tập, làm việc và tham gia vào các hoạt động kinh tế, xã hội, chính trị một cách an toàn, hiệu quả và có trách nhiệm. Cụ thể, cấu trúc của khái niệm công dân số thường được xác lập dựa trên ba trụ cột cơ bản:

- Năng lực kỹ thuật số: Bao gồm kiến thức về hệ thống phần cứng, phần mềm và kỹ năng thao tác trên các nền tảng công nghệ thông tin.
- Năng lực thông tin: Khả năng truy cập, tìm kiếm, đánh giá và quản lý dữ liệu một cách khoa học trên không gian mạng.

- Đạo đức và trách nhiệm số: Sự hiểu biết về quyền lợi, nghĩa vụ pháp lý và việc tuân thủ các chuẩn mực ứng xử nhân văn trong môi trường ảo.

b. Công dân số an toàn:

Phát triển dựa trên nền tảng của công dân số, khái niệm công dân số an toàn nhấn mạnh đặc biệt đến khía cạnh bảo mật, quyền riêng tư và sự an toàn về cả thể chất lẫn tinh thần trong môi trường số. Công dân số an toàn là người được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng để tự bảo vệ mình và ứng xử văn minh trên không gian mạng. Có thể khẳng định, đây là một cấp độ năng lực đòi hỏi cá nhân phải có sự nhận thức sâu sắc về các nguy cơ tiềm ẩn và có chiến lược ứng phó hiệu quả với các thách thức từ không gian mạng. Một công dân số được coi là an toàn khi hội đủ các tiêu chí năng lực sau:

- An toàn dữ liệu và bảo mật cá nhân: Chủ động thiết lập các biện pháp bảo vệ thông tin nhận dạng cá nhân, sử dụng các công cụ mã hóa và quản lý danh tính số một cách chặt chẽ để ngăn chặn sự xâm nhập trái phép.

- Phòng chống rủi ro và các mối đe dọa trực tuyến: Có năng lực nhận diện các hình thức tội phạm mạng như lừa đảo, mã độc, tin giả và các hành vi xâm hại quyền riêng tư.

- Sức khỏe và tâm lý trong môi trường số: Hiểu rõ tác động của công nghệ đến sức khỏe thể chất và sức khỏe tâm thần; biết cách điều tiết hành vi để tránh các hội chứng tâm lý tiêu cực như nghiện Internet hay căng thẳng do quá tải thông tin.

- Ứng xử văn minh và đạo đức số: Tuân thủ quy tắc ứng xử trên mạng, tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ và có khả năng tự vệ trước các hình thức bắt nạt hoặc bạo lực mạng.

1.1.2.2. Ý nghĩa của việc giáo dục ý thức công dân số cho học sinh tiểu học

Việc giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học có tầm quan trọng đặc biệt, bởi vì đây là độ tuổi mà các em đang bắt đầu khám phá và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Việc giúp các em có được các kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách an toàn và đúng cách sẽ giúp các em tránh được các rủi ro và nguy hiểm trực tuyến, đồng thời giúp các em

phát triển một tư duy đa chiều và phát triển các kỹ năng sáng tạo cần thiết trong kỷ nguyên số [21].

- An toàn và bảo vệ bản thân: Giúp học sinh nhận biết, phòng tránh các rủi ro, nguy hiểm trên Internet như bắt nạt qua mạng, thông tin độc hại, và bảo mật thông tin cá nhân.

- Hình thành văn hóa ứng xử trực tuyến: Giáo dục trẻ cách giao tiếp văn minh, tôn trọng người khác, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức và pháp luật trên môi trường số.

- Phát triển tư duy và kỹ năng số: Khuyến khích tư duy phản biện, kỹ năng tìm kiếm và đánh giá thông tin, giúp học sinh sử dụng công nghệ làm công cụ học tập và sáng tạo thay vì chỉ tiêu thụ nội dung.

- Xây dựng cộng đồng số văn minh: Hình thành trách nhiệm, ý thức lan tỏa thông tin tích cực, góp phần xây dựng môi trường mạng an toàn và văn minh.

- Nền tảng cho tương lai: Chuẩn bị cho học sinh năng lực thích ứng với công nghệ, đáp ứng nhu cầu học tập và làm việc trong thời đại chuyển đổi số.

Giáo dục công dân số là yêu cầu cấp thiết để trang bị cho học sinh những kỹ năng thiết yếu trong thời đại công nghệ phát triển mạnh mẽ. Giống như trong phần giới thiệu chung của trang công dân số tiểu học đã nhắc đến: Việc giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học có tầm quan trọng đặc biệt, bởi vì đây là độ tuổi mà các em đang bắt đầu khám phá và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông. Việc giúp các em có được các kỹ năng cơ bản về sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông một cách an toàn và đúng cách sẽ giúp các em tránh được các rủi ro và nguy hiểm trực tuyến, đồng thời giúp các em phát triển một tư duy đa chiều và phát triển các kỹ năng sáng tạo cần thiết trong kỷ nguyên số.

1.1.2.3. Khung năng lực số cho học sinh tiểu học

Theo tài liệu [21], với cấp tiểu học, Khung năng lực số mô tả chi tiết mức độ đạt được của từng năng lực thành phần. Các mô tả này làm rõ những kiến thức, hiểu biết, kỹ năng và mức độ áp dụng học sinh đảm bảo có thể đo lường được. Bảy (7) miền năng lực, 26 năng lực thành phần cho các khối lớp thuộc cấp tiểu học được mô tả cụ thể theo bảng dưới đây:

1. Sử dụng các thiết bị kỹ thuật số	
1.1. Sử dụng thiết bị phần cứng thiết bị số	
<i>Xác định và sử dụng được các chức năng và tính năng của phần cứng của thiết bị số.</i>	
L1-L2	L3-L4-L5
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
1.1.L1-L2.a. Nhận diện, phân biệt được hình dạng và chức năng của các thiết bị kỹ thuật số thông dụng.	1.1.L3-L4-L5.a. Nhận diện, phân biệt được hình dạng và chức năng của các thiết bị kỹ thuật số thông dụng.
1.1.L1-L2.b. Nhận biết được một số chức năng của các thiết bị kỹ thuật số thông dụng.	1.1.L3-L4-L5.b. Nhận biết được một số chức năng của các thiết bị kỹ thuật số thông dụng.
1.1.L1-L2.c. Sử dụng được một số chức năng và tính năng cơ bản của thiết bị phần cứng của thiết bị số thông dụng.	1.1.L3-L4-L5.c. Sử dụng được một số chức năng và tính năng cơ bản của thiết bị phần cứng của thiết bị số thông dụng.
1.2. Sử dụng phần mềm của thiết bị số	
<i>Biết và hiểu về dữ liệu, thông tin và nội dung số cần thiết để sử dụng công cụ phần mềm.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
1.2.L1-L2.a. Biết về thông tin và nội dung số có trong thiết bị số	1.2.L3-L4-L5.a. Biết về thông tin và nội dung số có trong thiết bị số
1.2.L1-L2.b. Sử dụng được một số phần mềm điều khiển của thiết bị số thông dụng.	1.2.L3-L4-L5.b. Sử dụng được một số phần mềm điều khiển của thiết bị số thông dụng.
2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu	
2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số	
<i>Xác định được thông tin cần tìm, tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số, truy cập chúng và điều hướng giữa chúng. Tạo ra và cập nhật các chiến lược tìm kiếm</i>	
L1-L2	L3-L4-L5

<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
2.1.L1-L2.a. Xác định được nhu cầu thông tin cần tìm của mình. 2.1.L1-L2.b. Tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua cách tìm kiếm đơn giản trong môi trường kỹ thuật số. 2.1.L1-L2.c. Biết cách truy cập dữ liệu, thông tin, nội dung và điều hướng giữa chúng. 2.1.L1-L2.d. Xác định được các chiến lược tìm kiếm thông tin đơn giản.	2.1.L3-L4-L5.a. Xác định được nhu cầu thông tin cần tìm của mình. 2.1.L3-L4-L5.b. Tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua cách tìm kiếm đơn giản trong môi trường kỹ thuật số. 2.1.L3-L4-L5.c. Biết cách truy cập dữ liệu, thông tin, nội dung và điều hướng giữa chúng. 2.1.L3-L4-L5.d. Xác định được các chiến lược tìm kiếm thông tin đơn giản.
2.2. Đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung số	
<i>Phân tích, so sánh và đánh giá được độ tin cậy, tính xác thực của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số. Phân tích, diễn giải và đánh giá đa chiều các dữ liệu, thông tin và nội dung số.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
2.2.L1-L2.a. Phát hiện tính xác thực và độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin phổ biến và nội dung kỹ thuật số của chúng.	2.2.L3-L4-L5.a. Thực hiện phân tích, so sánh và đánh giá tính xác thực và độ tin cậy của các nguồn dữ liệu, thông tin và nội dung số được xác định rõ ràng. 2.2.L3-L4-L5.b. Thực hiện phân tích, giải thích và đánh giá dữ liệu, thông tin và nội dung kỹ thuật số được xác định rõ ràng.
2.3. Quản lý dữ liệu, thông tin và nội dung số	
<i>Tổ chức, lưu trữ và truy xuất được các dữ liệu, thông tin và nội dung trong môi trường số. Tổ chức, xử lý và sử dụng hiệu quả công cụ số và thông tin tìm được để đưa ra những quyết định sáng suốt trong môi trường có cấu trúc.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
2.3.L1-L2.a. Xác định cách tổ chức, lưu trữ và truy xuất dữ liệu, thông tin	2.3.L3-L4-L5.a. Lựa chọn dữ liệu,

và nội dung theo cách đơn giản trong môi trường kỹ thuật số. 2.3.L1-L2.b. Biết sắp xếp dữ liệu, thông tin và nội dung theo cách đơn giản trong môi trường có cấu trúc.	thông tin và nội dung để tổ chức, lưu trữ và truy xuất theo cách thường xuyên trong môi trường kỹ thuật số. 2.3.L3-L4-L5.b. Tổ chức dữ liệu, thông tin và nội dung theo cách thường xuyên trong một môi trường có cấu trúc.
---	--

3. Giao tiếp và Hợp tác	
3.1. Tương tác thông qua các thiết bị số	
<i>Tương tác thông qua các công nghệ số và lựa chọn được phương tiện số phù hợp cho ngữ cảnh nhất định để sử dụng.</i>	
L1-L2	L3-L4-L5
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
3.1.L1-L2.a. Chọn được các công nghệ kỹ thuật số đơn giản để tương tác. 3.1.L1-L2.b. Xác định được các phương tiện truyền thông đơn giản thích hợp cho một bối cảnh nhất định.	3.1.L3-L4-L5.a. Thực hiện được các tương tác được xác định rõ ràng và thường xuyên với các công nghệ kỹ thuật số. 3.1.L3-L4-L5.b. Lựa chọn được các phương tiện giao tiếp kỹ thuật số thích hợp được xác định rõ ràng và thường xuyên cho một bối cảnh nhất định.
3.2. Chia sẻ thông qua công nghệ số	
<i>Chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung số với người khác thông qua các công nghệ số phù hợp. Đóng vai trò là người chia sẻ thông tin từ nguồn thông tin đáng tin cậy.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
3.2.L1-L2.a. Nhận ra các công nghệ kỹ thuật số thích hợp đơn giản để chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung kỹ thuật số. 3.2.L1-L2.b. Xác định các phương pháp tham chiếu và phân bổ đơn giản.	3.2.L3-L4-L5.a. Lựa chọn được các công nghệ kỹ thuật số thích hợp được xác định rõ ràng và thường xuyên để chia sẻ dữ liệu, thông tin và nội dung kỹ thuật số. 3.2.L3-L4-L5.b. Giải thích được cách hoạt động như một bước trung gian để

	chia sẻ thông tin và nội dung thông qua các công nghệ kỹ thuật số được xác định rõ ràng và thường xuyên. 3.2.L3-L4-L5.c. Minh họa các phương pháp tham chiếu và phân bổ được xác định rõ ràng và thường xuyên.
3.3. Tham gia với tư cách công dân thông qua công nghệ số	
<i>Tham gia vào xã hội thông qua việc sử dụng các dịch vụ số. Sử dụng công nghệ số phù hợp để thể hiện quyền công dân và tìm kiếm cơ hội tự phát triển bản thân.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
3.3.L1-L2.a. Xác định được các dịch vụ kỹ thuật số đơn giản để tham gia vào xã hội. 3.3.L1-L2.b. Nhận ra được các công nghệ kỹ thuật số phù hợp đơn giản để trao quyền cho bản thân và tham gia vào xã hội với tư cách là một công dân.	3.3.L3-L4-L5.a. Lựa chọn được các dịch vụ kỹ thuật số được xác định rõ ràng và thường xuyên để tham gia vào xã hội. 3.3.L3-L4-L5.b. Chỉ ra được các công nghệ kỹ thuật số thích hợp được xác định rõ ràng và thường xuyên để trao quyền cho bản thân và tham gia vào xã hội với tư cách là một công dân.
3.4. Hợp tác thông qua công nghệ số	
<i>Sử dụng các công cụ và công nghệ số trong hoạt động hợp tác, cùng kiến tạo tài nguyên và kiến thức.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
3.4.L1-L2.a. Lựa chọn được các công cụ kỹ thuật số và công nghệ đơn giản cho các quá trình hợp tác.	3.4.L3-L4-L5.a. Lựa chọn được các công cụ và công nghệ kỹ thuật số được xác định rõ ràng và thường xuyên cho các quá trình hợp tác.
3.5. Chuẩn mực trong giao tiếp	
<i>Nhận thức được các chuẩn mực hành vi và biết cách thể hiện các chuẩn mực đó trong quá trình sử dụng công nghệ số và tương tác trong môi trường số. Điều chỉnh các chiến lược giao tiếp phù hợp với đối tượng cụ thể và nhận thức đa dạng văn hóa và thể hệ trong môi trường số.</i>	

<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
3.5.L1-L2.a. Phân biệt được các chuẩn mực hành vi đơn giản khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số và tương tác trong môi trường kỹ thuật số. 3.5.L1-L2.b. Lựa chọn được các phương thức và chiến lược giao tiếp đơn giản phù hợp với người khác. 3.5.L1-L2.c. Phân biệt các khía cạnh văn hóa và đa dạng thể hệ đơn giản để phân biệt trong môi trường kỹ thuật số.	3.5.L3-L4-L5.a. Làm rõ được các chuẩn mực và biết cách sử dụng các công nghệ kỹ thuật số và tương tác trong môi trường kỹ thuật số. 3.5.L3-L4-L5.b. Thể hiện được các chiến lược giao tiếp thông thường và được xác định rõ ràng phù hợp với từng người. 3.5.L3-L4-L5.c. Mô tả được các khía cạnh đa dạng văn hóa, đa thể hệ trong môi trường kỹ thuật số.
3.6. Quản lý định danh cá nhân <i>Tạo, quản lý và bảo vệ được thông tin định danh cá nhân (identity26) trong môi trường số, bảo vệ được hình ảnh cá nhân và xử lý được dữ liệu được tạo ra thông qua một số công cụ, môi trường và dịch vụ số.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
3.6.L1-L2.a. Xác định được danh tính kỹ thuật số. 3.6.L1-L2.b. Mô tả được các cách đơn giản để bảo vệ danh tính khi trực tuyến. 3.6.L1-L2.c. Nhận ra được dữ liệu đơn giản được tạo ra thông qua các công cụ, môi trường hoặc dịch vụ kỹ thuật số.	3.6.L3-L4-L5.a. Phân biệt được một loạt các nhận dạng kỹ thuật số được xác định rõ ràng và thông thường. 3.6.L3-L4-L5.b. Giải thích được các cách thường xuyên và được xác định rõ ràng để bảo vệ danh tính của HS khi trực tuyến. 3.6.L3-L4-L5.c. Mô tả được dữ liệu được xác định rõ ràng mà HS thường tạo ra thông qua các công cụ, môi trường hoặc dịch vụ kỹ thuật số.

4. Tạo sản phẩm số

4.1. Phát triển nội dung số

Tạo và chỉnh sửa nội dung số ở các định dạng khác nhau, thể hiện được bản thân thông qua các phương tiện số.

L1-L2	L3-L4-L5
--------------	-----------------

<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
4.1.L1-L2.a. Xác định được các cách tạo và chỉnh sửa nội dung đơn giản ở các định dạng đơn giản. 4.1.L1-L2.b. Chọn được cách thể hiện bản thân thông qua các phương tiện kỹ thuật số đơn giản.	4.1.L3-L4-L5.a. Chỉ ra được các cách để tạo và chỉnh sửa nội dung được xác định rõ ràng và thông thường ở các định dạng được xác định rõ ràng và phù hợp 4.1.L3-L4-L5.b. Thể hiện được bản thân thông qua các phương tiện kỹ thuật số được xác định rõ ràng và thường xuyên.
4.2 Tích hợp và tinh chỉnh nội dung số	
<i>Sửa đổi, tinh chỉnh, cải tiến và tích hợp thông tin và nội dung vào kiến thức đã có nhằm tạo ra sản phẩm mới, nguyên bản và phù hợp.</i> <i>Trình bày và chia sẻ được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm số đã tạo lập.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
4.2.L1-L2.a. Chọn được các cách để sửa đổi, tinh chỉnh, cải tiến và tích hợp các mục đơn giản của nội dung và thông tin mới để tạo ra các mục mới và nguyên bản.	4.2.L3-L4-L5.a. Giải thích được các cách sửa đổi, tinh chỉnh, cải tiến và tích hợp các mục được xác định rõ về nội dung và thông tin mới để tạo ra những nội dung và thông tin mới và nguyên bản.
4.3 Bản quyền	
<i>Hiểu và thực hiện được các quy định về bản quyền đối với dữ liệu, thông tin và nội dung số.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
4.3.L1-L2.a. Xác định được một số công việc thuộc về người khác 4.3.L1-L2.b. Tìm được tên tác giả trên tác phẩm kỹ thuật số 4.3.L1-L2.c. Xác định được các quy tắc đơn giản về bản quyền và giấy phép áp dụng cho dữ liệu, thông tin kỹ thuật số và nội dung.	4.3.L3-L4-L5.a. Chỉ ra được các quy tắc được xác định rõ ràng và thường xuyên về bản quyền và giấy phép áp dụng cho dữ liệu, thông tin kỹ thuật số và nội dung.

4.4. Lập trình	
<i>Lập kế hoạch và phát triển các hướng dẫn dễ hiểu cho một hệ thống máy tính nhằm giải quyết một vấn đề hoặc thực hiện nhiệm vụ cụ thể.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
4.4.L1-L2.a. Liệt kê được các bước đơn giản cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề đơn giản hoặc thực hiện một nhiệm vụ đơn giản.	4.4.L3-L4-L5.a. Liệt kê được các hướng dẫn được xác định rõ ràng và thường xuyên cho một hệ thống máy tính để giải quyết các vấn đề thông thường hoặc thực hiện các nhiệm vụ thông thường.

5. An toàn kỹ thuật số	
5.1. Bảo vệ thiết bị	
<i>Bảo vệ các thiết bị và nội dung số, và hiểu về các rủi ro và mối đe dọa trong môi trường số.</i>	
<i>Biết về các biện pháp an toàn và bảo mật, chú ý đến độ tin cậy và quyền riêng tư.</i>	
L1-L2	L3-L4-L5
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
5.1.L1-L2.a. Xác định được các cách đơn giản để bảo vệ thiết bị và nội dung kỹ thuật số của HS. 5.1.L1-L2.b. Chọn được các biện pháp an toàn và bảo mật đơn giản.	5.1.L3-L4-L5.a. Xác định được các cách đơn giản để bảo vệ thiết bị và nội dung kỹ thuật số của HS. 5.1.L3-L4-L5.b. Phân biệt được các rủi ro và mối đe dọa đơn giản trong môi trường kỹ thuật số. 5.1.L3-L4-L5.c. Chọn được các biện pháp an toàn và bảo mật đơn giản. 5.1.L3-L4-L5.d. Xác định được các cách đơn giản để đánh giá đúng mức độ tin cậy và quyền riêng tư của nội dung số thường gặp.
5.2 Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư	
<i>Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường số.</i>	
<i>Hiểu về cách sử dụng và chia sẻ thông tin định danh cá nhân đồng thời có thể bảo vệ bản thân và những người khác khỏi tổn hại.</i>	

<i>Hiểu về “Chính sách quyền riêng tư” của các dịch vụ số là nhằm thông báo cách thức sử dụng dữ liệu cá nhân.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
5.2.L1-L2.a. Chọn được những cách đơn giản để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường kỹ thuật số. 5.2.L1-L2.b. Xác định được các cách đơn giản để sử dụng và chia sẻ thông tin nhận dạng cá nhân trong khi bảo vệ bản thân và những người khác khỏi thiệt hại.	5.2.L3-L4-L5.a. Giải thích được các cách thường xuyên và được xác định rõ ràng để bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư trong môi trường kỹ thuật số. 5.2.L3-L4-L5.b. Giải thích được các cách được xác định rõ ràng và thường xuyên để sử dụng và chia sẻ thông tin nhận dạng cá nhân trong khi bảo vệ bản thân và những người khác khỏi những thiệt hại. 5.2.L3-L4-L5.c. Nêu rõ các tuyên bố về chính sách bảo mật thông thường và được xác định rõ ràng về cách dữ liệu cá nhân được sử dụng trong các dịch vụ kỹ thuật số.
5.3. Bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất	
- Có các biện pháp phòng tránh các tác động tiêu cực tới sức khỏe và các mối đe dọa đối với thể chất và tinh thần khi khai thác và sử dụng công nghệ số; bảo vệ bản thân và những người khác khỏi những nguy hiểm trong môi trường số (ví dụ: bắt nạt trên mạng). - Chống chịu, đối mặt được với khó khăn, tình huống khó khăn trong môi trường số. - Nhận thức về công nghệ số vì lợi ích xã hội và hòa nhập xã hội.	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
5.3.L1-L2.a. Phân biệt được các cách đơn giản để tránh các nguy cơ về sức khỏe và các mối đe dọa đối với sức khỏe thể chất và tinh thần khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số. 5.3.L1-L2.b. Lựa chọn được những cách đơn giản để bảo vệ bản thân khỏi	5.3.L3-L4-L5.a. Giải thích các cách thức được xác định rõ ràng và thường xuyên để làm thế nào để tránh các mối nguy hiểm về sức khỏe và các mối đe dọa đối với sức khỏe thể chất và tâm lý khi sử dụng công nghệ kỹ thuật số.

những nguy hiểm có thể xảy ra trong môi trường kỹ thuật số. 5.3.L1-L2.c. Xác định được các công nghệ kỹ thuật số đơn giản cho phúc lợi xã hội và hòa nhập xã hội.	5.3.L3-L4-L5.b. Lựa chọn các cách thường xuyên và được xác định rõ ràng để bảo vệ bản thân khỏi những nguy hiểm trong môi trường kỹ thuật số. 5.3.L3-L4-L5.c. Chỉ ra các công nghệ kỹ thuật số được xác định rõ ràng và thường xuyên đối với phúc lợi xã hội và hòa nhập xã hội.
5.4 Bảo vệ môi trường	
<i>Hiểu về tác động/ ảnh hưởng của công nghệ số đối với môi trường và có các hành vi sử dụng công nghệ số đảm bảo không gây hại tới môi trường.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
5.4.L1-L2.a. Nhận ra được các tác động môi trường đơn giản của công nghệ kỹ thuật số và việc sử dụng chúng.	5.4.L3-L4-L5.a. Chỉ ra các tác động môi trường thường xuyên và được xác định rõ ràng của các công nghệ kỹ thuật số và việc sử dụng chúng.

6. Giải quyết vấn đề	
6.1. Giải quyết các vấn đề kỹ thuật	
<i>Xác định các vấn đề kỹ thuật khi vận hành thiết bị số và giải quyết được các vấn đề này (từ xử lý sự cố đến giải quyết các vấn đề phức tạp hơn).</i>	
L1-L2	L3-L4-L5
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
6.1.L1-L2.a. Xác định được các vấn đề kỹ thuật đơn giản khi vận hành thiết bị và sử dụng môi trường kỹ thuật số. 6.1.L1-L2.b. Xác định được các giải pháp đơn giản để giải quyết vấn đề.	6.1.L3-L4-L5.a. Xác định được các vấn đề kỹ thuật đơn giản khi vận hành thiết bị và sử dụng môi trường kỹ thuật số. 6.1.L3-L4-L5.b. Lựa chọn được các giải pháp đơn giản để giải quyết vấn đề.
6.2 Xác định nhu cầu và phản hồi công nghệ	
<i>Đánh giá phân tích nhu cầu và từ đó xác định, đánh giá, lựa chọn, sử dụng các công cụ số và giải pháp công nghệ tương ứng khả thi để giải quyết các nhu cầu đề ra. Điều chỉnh và tùy chỉnh môi trường số theo nhu cầu cá nhân (ví dụ: khả năng tiếp cận).</i>	

<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
6.2.L1-L2.a. Xác định được nhu cầu sử dụng công cụ số và giải pháp công nghệ của cá nhân.	6.2.L3-L4-L5.a. Chỉ ra các nhu cầu kỹ thuật số thường xuyên và được xác định rõ ràng.
6.2.L1-L2.b. Nhận ra được các công cụ kỹ thuật số đơn giản và các đáp ứng công nghệ có thể có để giải quyết những nhu cầu cá nhân.	6.2.L3-L4-L5.b. Lựa chọn các công cụ kỹ thuật số thông thường và được xác định rõ ràng cũng như các phản ứng công nghệ khả thi để giải quyết những nhu cầu cá nhân.
6.2.L1-L2.c. Chọn được các cách đơn giản để điều chỉnh và tùy chỉnh môi trường kỹ thuật số theo nhu cầu cá nhân.	6.2.L3-L4-L5.c. Lựa chọn các cách thường xuyên và được xác định rõ ràng để điều chỉnh và tùy chỉnh môi trường kỹ thuật số theo nhu cầu cá nhân.
6.3 Sử dụng sáng tạo thiết bị số	
<i>Sử dụng các công cụ và công nghệ số để tạo ra kiến thức và cải tiến các quy trình và sản phẩm. Thu hút cá nhân và tập thể vào quá trình tìm hiểu và giải quyết các vấn đề về nhận thức và tình huống có vấn đề trong môi trường số.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
6.3.L1-L2.a. Xác định các công cụ và công nghệ kỹ thuật số đơn giản có thể được sử dụng để tạo ra kiến thức và đổi mới các quy trình và sản phẩm.	6.3.L3-L4-L5.a. Chọn được các công cụ và công nghệ kỹ thuật số để tạo ra kiến thức và cho các quy trình và sản phẩm đổi mới được xác định rõ ràng.
6.3.L1-L2.b. Thể hiện được sự quan tâm của cá nhân và tập thể trong quá trình xử lý nhận thức đơn giản để hiểu và giải quyết các vấn đề khái niệm đơn giản và các tình huống vấn đề trong môi trường kỹ thuật số.	6.3.L3-L4-L5.b. Tham gia vào một số quá trình xử lý nhận thức để hiểu và giải quyết các vấn đề khái niệm thông thường và được xác định rõ ràng cũng như các tình huống có vấn đề trong môi trường kỹ thuật số.
6.4 Xác định thiếu hụt về năng lực số	
- Hiểu về những thiếu hụt cần phát triển trong năng lực số của bản thân. Có thể hỗ trợ người khác phát triển năng lực số. - Tìm kiếm cơ hội phát triển bản thân và luôn cập nhật thành tựu kỹ thuật số.	

<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
6.4.L1-L2.a. Nhận ra được năng lực kỹ thuật số của cá nhân cần được cải thiện hoặc cập nhật.	6.4.L3-L4-L5.a. Giải thích được năng lực kỹ thuật số của cá nhân cần được cải thiện.
6.4.L1-L2.b. Xác định được nơi để tìm kiếm cơ hội phát triển bản thân và luôn cập nhật sự phát triển kỹ thuật số.	6.4.L3-L4-L5.b. Chỉ ra được nơi để tìm kiếm cơ hội phát triển bản thân và cập nhật sự phát triển của kỹ thuật số.
6.5 Tư duy máy tính (Computational thinking)	
<i>Diễn đạt được các bước xử lý một vấn đề theo kiểu thuật toán (các bước tuần tự và logic để giải quyết vấn đề).</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
6.5.L1-L2.a. Biết được các bước đơn giản cho hệ thống máy tính để giải quyết một vấn đề đơn giản hoặc thực hiện một nhiệm vụ đơn giản.	6.5.L3-L4-L5.a. Liệt kê các hướng dẫn được xác định rõ ràng và thường xuyên cho một hệ thống máy tính để giải quyết các vấn đề thông thường hoặc thực hiện các nhiệm vụ thông thường.
6.5.L1-L2.b. Biết chia một vấn đề lớn thành vấn đề nhỏ hơn.	6.5.L3-L4-L5.b. Biết chia một vấn đề lớn thành vấn đề nhỏ hơn.

7. Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan	
7.1 Vận hành những công nghệ số đặc trưng trong một lĩnh vực đặc thù	
<i>Xác định và sử dụng được các công cụ và công nghệ số chuyên biệt cho một lĩnh vực cụ thể.</i>	
L1-L2	L3-L4-L5
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
7.1.L1-L2.a. Nhận ra được được một số công nghệ số chuyên biệt.	7.1.L3-L4-L5.a. Xác định được một số công nghệ số chuyên biệt.
7.1.L1-L2.b. Sử dụng được các công cụ và công nghệ số chuyên biệt cho một lĩnh vực cụ thể mức đơn giản.	7.1.L3-L4-L5.b. Sử dụng được các công cụ và công nghệ số chuyên biệt cho một lĩnh vực cụ thể mức đơn giản.
7.2 Diễn giải, thao tác với dữ liệu và nội dung kĩ thuật số cho một lĩnh vực đặc thù	

<i>Hiểu, phân tích và đánh giá được dữ liệu chuyên ngành, thông tin và nội dung số cho một lĩnh vực cụ thể trong môi trường số.</i>	
<i>Ở mức độ cơ bản, với sự hướng dẫn phù hợp, tôi có thể:</i>	<i>Theo cách của mình, với mức độ tự chủ và sự hướng dẫn phù hợp và các vấn đề quen thuộc đơn giản, tôi có thể:</i>
7.2.L1-L2.a. Thực hiện được khai thác dữ liệu chuyên ngành, thông tin và nội dung số cho một lĩnh vực cụ thể trong môi trường số.	7.2.L3-L4-L5.a. Chỉ ra được khai thác dữ liệu chuyên ngành, thông tin và nội dung số cho một lĩnh vực cụ thể trong môi trường số.

1.1.3. Khái quát nội dung, chương trình môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học

1.1.3.1. Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học

a. Đặc điểm môn học:

Môn Tự nhiên và Xã hội là môn học bắt buộc, được xây dựng từ sự tích hợp kiến thức của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội. Môn học đóng vai trò quan trọng trong việc giúp học sinh bước đầu khám phá thế giới xung quanh thông qua các mối quan hệ gần gũi nhất. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), môn học này có tính thực quan và thực tiễn cao, đóng vai trò là nền tảng để học sinh học tiếp các môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở các lớp 4, 5.

b. Quan điểm xây dựng chương trình:

Chương trình được xây dựng trên quan điểm lấy học sinh làm trung tâm và chú trọng vào việc hình thành năng lực. Theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT, chương trình tuân thủ các nguyên tắc:

- Tích hợp: Kết nối kiến thức về con người, sức khỏe, tự nhiên và xã hội trong cùng một chủ đề.
- Đồng tâm: Các chủ đề lặp lại qua các khối lớp nhưng được mở rộng và nâng cao về độ khó.
- Dựa trên trải nghiệm: Ưu tiên các hoạt động quan sát, thực hành và xử lý tình huống thực tế thay vì lý thuyết thuần túy.

c. Mục tiêu của môn học:

Mục tiêu chính là giúp học sinh hình thành các phẩm chất chủ yếu (yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm) và năng lực khoa học [2]. Cụ thể, học sinh cần đạt được:

- Năng lực nhận thức khoa học: Biết các kiến thức cơ bản về môi trường xung quanh.

- Năng lực tìm hiểu: Biết cách đặt câu hỏi, quan sát và thu thập thông tin đơn giản.

- Năng lực vận dụng: Biết cách giữ gìn vệ sinh, bảo vệ sức khỏe và ứng xử phù hợp với môi trường tự nhiên, xã hội.

d. Nội dung chương trình:

Nội dung môn học bao gồm 6 chủ đề chính xuyên suốt từ lớp 1 đến lớp 3 [2]:

- Gia đình: Các thành viên, mối quan hệ và an toàn tại nhà.
- Trường học: Cơ sở vật chất, hoạt động học tập và tình bạn.
- Cộng đồng địa phương: Nghề nghiệp, văn hóa và hoạt động giao thông.
- Thực vật và Động vật: Đặc điểm, nơi sống và sự bảo vệ thiên nhiên.
- Con người và Sức khỏe: Các cơ quan cơ thể, vệ sinh và phòng tránh bệnh tật.
- Trái Đất và Bầu trời: Thời tiết, các hành tinh và ý thức bảo vệ môi trường.

e. Thời lượng thực hiện:

Theo quy định của CT GDPT 2018, thời lượng dành cho môn Tự nhiên và Xã hội ở cấp tiểu học được phân bổ như sau:

- Tổng thời lượng: 70 tiết cho mỗi khối lớp (Lớp 1, Lớp 2, Lớp 3).
- Mật độ: Trung bình 2 tiết/tuần trong 35 tuần học.

1.1.3.2. Khả năng dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội

Nội dung giáo dục công dân số được tích hợp vào dạy học các môn học và hoạt động giáo dục như: Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lí, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm,... Trong đó, việc tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số vào môn Tự nhiên và Xã hội không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là giải pháp giúp học sinh hình thành các hành vi ứng xử chuẩn mực, an toàn và trách nhiệm trên môi trường số ngay từ khi tiếp xúc với công nghệ. Vì:

a. Tính tương đồng và cơ hội từ cấu trúc chương trình mở

Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội được xây dựng theo định hướng mở với 6 chủ đề gần gũi. Đây là “mảnh đất màu mỡ” để tích hợp kỹ năng số, ví dụ như:

- Chủ đề Gia đình: Giáo viên có thể lồng ghép kỹ năng sử dụng thiết bị số (máy tính, máy tính bảng) để học tập và giải trí lành mạnh tại nhà và trường. Ví dụ: Khi dạy về “Đồ dùng trong nhà”, có thể tích hợp cách bảo quản và sử dụng an toàn các thiết bị điện tử.

- Chủ đề Cộng đồng địa phương: Thay vì chỉ quan sát thực tế, học sinh có thể được hướng dẫn cách tìm kiếm thông tin cơ bản về các danh lam thắng cảnh của Ninh Bình qua các trang web giáo dục an toàn, từ đó hình thành kỹ năng khai thác thông tin số.

- Chủ đề Con người và Sức khỏe: Tích hợp giáo dục về tác động của thiết bị số đến sức khỏe (mắt, tư thế ngồi, thời gian sử dụng thiết bị hợp lý) – một khía cạnh quan trọng của sức khỏe số.

b. Sự phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và mục tiêu năng lực

Việc giáo dục kỹ năng công dân số cũng được triển khai tinh tiến theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi:

Khối lớp	Nội dung tích hợp trọng tâm	Mục tiêu đạt được
Lớp 1	Nhận diện các thiết bị số cơ bản và quy tắc an toàn vật lý.	Biết tên các thiết bị công nghệ, không tự ý cắm sạc, tư thế ngồi đúng khi sử dụng các thiết bị.
Lớp 2	Sử dụng internet để giải trí và học tập có sự giám sát.	Biết chọn lọc nội dung phù hợp, nhận diện các dấu hiệu không an toàn cơ bản.
Lớp 3	Giao tiếp trên môi trường số và bảo mật thông tin cá nhân.	Biết cách chào hỏi, sử dụng từ ngữ lịch sự khi nhắn tin/học online; bảo vệ mật khẩu/tên tuổi.

c. Phương pháp triển khai hiệu quả

Dựa trên tính chất thực tế của môn học, việc tích hợp kỹ năng công dân số cần được thực hiện thông qua:

- Học qua trải nghiệm: Sử dụng các phần mềm mô phỏng, trò chơi giáo dục về môi trường tự nhiên để học sinh vừa nắm kiến thức môn học, vừa thực hành kỹ năng thao tác số.

- Xây dựng tình huống thực tế: Đưa ra các tình huống như: "Nếu em thấy một thông tin lạ về lễ hội Cổ đô Hoa Lư trên mạng, em sẽ làm gì?" để dạy học sinh kỹ năng kiểm chứng thông tin.

- Đánh giá sự tiến bộ: Đánh giá không chỉ qua bài kiểm tra giấy mà qua cách học sinh thao tác với thiết bị, cách các em tương tác trong các nhóm học tập trực tuyến (nếu có).

Với cấu trúc chương trình linh hoạt và nội dung gắn liền với đời sống thực tế, môn Tự nhiên và Xã hội là môi trường lý tưởng để "số hóa" các bài học một cách tự nhiên. Việc kết hợp giáo dục kỹ năng công dân số sẽ tạo nên những công dân tương lai tự tin hội nhập thế giới số.

1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Khái quát về quá trình điều tra

1.2.1.1. Mục đích điều tra

Nhằm tìm hiểu nhận thức của GV về việc tích hợp giáo dục công dân số trong dạy học nói chung và trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học nói riêng, chúng tôi tiến hành điều tra và trên cơ sở đó xác lập cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng các nguyên tắc và đề xuất quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy khi dạy học tích hợp nội dung giáo dục công dân số góp phần nâng cao chất lượng dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

1.2.1.2. Đối tượng điều tra

Để tìm hiểu nhận thức của GV về tích hợp giáo dục công dân số trong dạy học nói chung và trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học theo CT GDPT 2018 nói riêng, chúng tôi tiến hành phát phiếu điều tra các thầy cô giáo đang công tác tại một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình và một số thầy cô đang theo học lớp liên thông Đại học ngành Giáo dục Tiểu học trường Đại học Hoa Lư.

1.2.1.3. Nội dung điều tra

Với phạm vi nghiên cứu của đề tài, chúng tôi tiến hành khảo sát và điều tra các GV tiểu học một số vấn đề cơ bản sau:

+ Nhận thức của GV tiểu học về tích hợp giáo dục công dân số trong dạy học nói chung và trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội nói riêng.

+ Thực trạng tích hợp giáo dục công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội theo CT GDPT 2018 ở một số trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Các nội dung này được thể hiện qua 9 câu hỏi trong Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1).

1.2.1.4. Các phương pháp điều tra

Những phương pháp chủ yếu được sử dụng trong quá trình điều tra và khảo sát:

- Phương pháp đàm thoại: Phương pháp này được sử dụng trong quá trình điều tra đối với giáo viên. Sau khi trả lời các câu hỏi trong Phiếu khảo sát giáo viên, GV có thể chia sẻ thêm một số thông tin, kinh nghiệm của cá nhân về việc tích hợp giáo dục KNCDS trong dạy học nói chung và trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học nói riêng.

- Phương pháp thống kê toán học: Chúng tôi đã thu thập, xử lý và phân tích các số liệu điều tra.

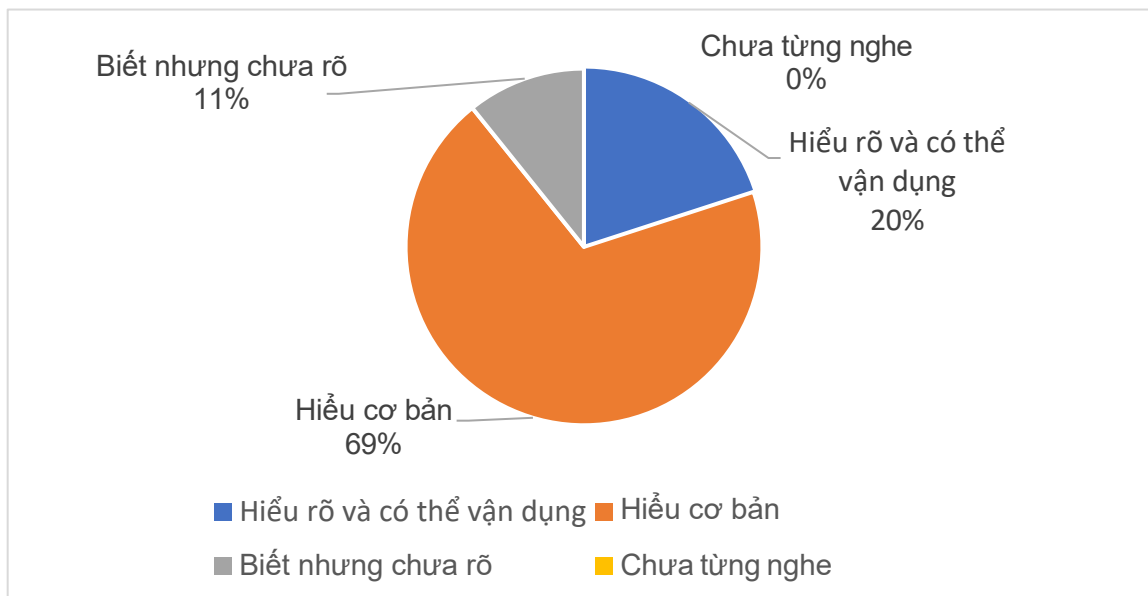
1.2.2. Kết quả điều tra

Chúng tôi đã tiến hành phát 72 phiếu điều tra, khảo sát và thu về được 69 phiếu, trong đó có 65 phiếu hợp lệ. Từ đó, chúng tôi tiến hành tổng hợp, phân tích, đánh giá,... và dưới đây là kết quả thu thập được:

1.2.2.1. Nhận thức của giáo viên tiểu học về việc tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

Để tìm hiểu sự hiểu biết của các giáo viên về kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội, chúng tôi đưa ra câu hỏi “*Thầy/Cô hiểu biết ở mức độ nào về kỹ năng công dân số?*” – Câu 1. Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1), kết quả thu được như sau:

Biểu đồ 1.1. Tỷ số phần trăm mức độ hiểu biết về kỹ năng công dân số

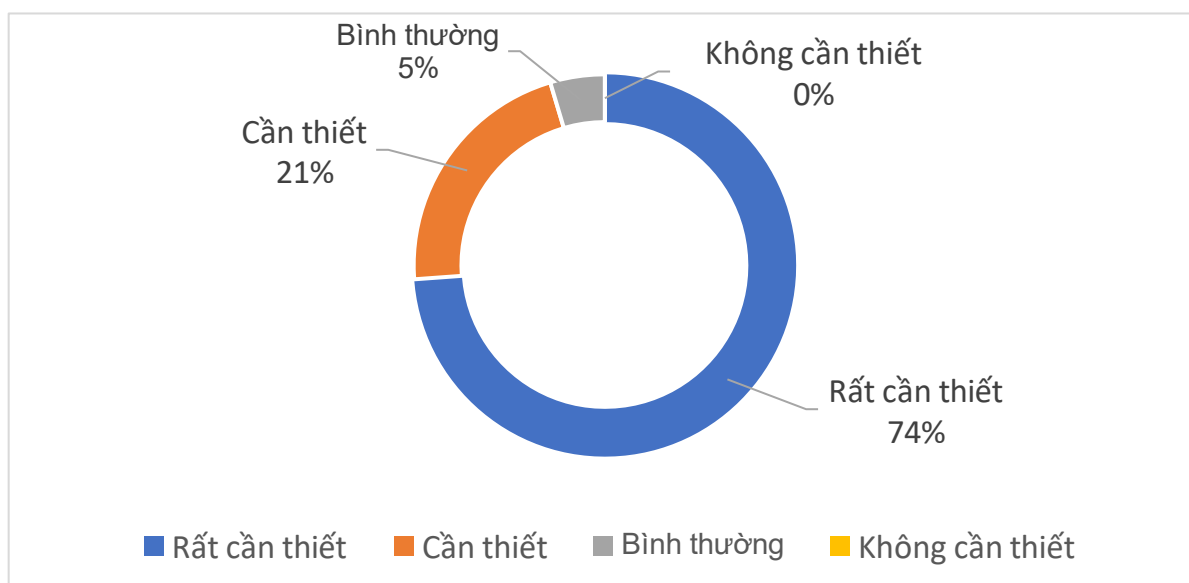


Kết quả ở biểu đồ 1.1 cho thấy phần lớn đối tượng khảo sát đã có hiểu biết nhất định về kỹ năng công dân số. Trong đó, mức “hiểu cơ bản” chiếm tỷ lệ cao nhất với 69% (45/65 phiếu), cho thấy đa số giáo viên đã bước đầu nắm được những kiến thức cơ bản liên quan đến công dân số. Bên cạnh đó, có 20% (13/65) giáo viên “hiểu rõ và có thể vận dụng”, thể hiện khả năng áp dụng kiến thức vào thực tiễn dạy học.

Tuy nhiên, vẫn còn 11% (7/65) ở mức “biết nhưng chưa rõ”, cho thấy một bộ phận giáo viên chưa thực sự hiểu sâu về nội dung này. Đáng chú ý, không có giáo viên nào “chưa từng nghe” về kỹ năng công dân số. Điều này phản ánh rằng công dân số đã được nhiều giáo viên quan tâm, nhưng cần tiếp tục bồi dưỡng để nâng cao mức độ hiểu biết và khả năng vận dụng trong thực tế.

Để điều tra mức độ tích hợp giáo dục công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội, chúng tôi đưa ra câu hỏi “*Theo thầy/cô, việc giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học có cần thiết không?*” - Câu 2. Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1), kết quả thu được như sau:

Biểu đồ 1.2. Tỷ số phần trăm mức độ cần thiết tích hợp giáo dục công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội



Biểu đồ 1.2 phản ánh nhận thức tích cực của giáo viên về vai trò của giáo dục công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội. Phần lớn ý kiến tập trung ở mức “rất cần thiết” với 74%, cho thấy giáo viên đánh giá cao ý nghĩa của việc trang bị cho học sinh các kỹ năng cần thiết khi tham gia môi trường số. Ngoài ra, 21% ý kiến lựa chọn mức “cần thiết”, tiếp tục khẳng định tầm quan trọng của nội dung này trong dạy học hiện nay.

Trong khi đó, tỷ lệ đánh giá ở mức “bình thường” chỉ chiếm 5% và hoàn toàn không có ý kiến cho rằng việc tích hợp là “không cần thiết” cho thấy giáo viên có sự đồng thuận cao về nhu cầu đưa giáo dục công dân số vào giảng dạy, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong thời đại công nghệ số. Điều này chứng tỏ nhận thức của giáo viên (hoặc đối tượng khảo sát) về vai trò của giáo dục công dân số trong dạy học nói chung và dạy học môn Tự nhiên và Xã hội nói riêng là rất tích cực và rõ ràng. Việc tích hợp nội dung này được xem là phù hợp, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh hiện nay, góp phần hình thành cho học sinh những năng lực cần thiết khi tham gia môi trường số.

Khi được hỏi “*Những kỹ năng công dân số nào sau đây cần được hình thành cho học sinh tiểu học?*” - Câu 3. Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1), thì đa số GV được khảo sát cho rằng các kỹ năng đó đều cần thiết hình thành cho HS nói chung, đặc biệt là học sinh tiểu học. Điều đó được cụ thể qua bảng thống kê sau:

Bảng 1.3. Các kĩ năng công dân số cần được hình thành cho học sinh tiểu học

STT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Sử dụng thiết bị số an toàn	53	81.54
2	Giao tiếp, ứng xử văn minh trên môi trường số	47	72.31
3	Nhận biết và tránh thông tin xấu, độc	56	86.15
4	Bảo vệ thông tin cá nhân	52	80.00
5	Hợp tác và chia sẻ tích cực trên môi trường số	35	53.85
6	Khác:	0	0.00

Số liệu thống kê ở bảng 1.3 cho thấy giáo viên đặc biệt quan tâm đến việc hình thành cho học sinh các kĩ năng đảm bảo an toàn khi tham gia môi trường số. Trong đó, kĩ năng “nhận biết và tránh thông tin xấu, độc” được lựa chọn nhiều nhất với 86,15%, tiếp theo là “sử dụng thiết bị số an toàn” (81,54%) và “bảo vệ thông tin cá nhân” (80%). Bên cạnh các kĩ năng về an toàn số, nội dung “giao tiếp, ứng xử văn minh trên môi trường số” cũng nhận được nhiều sự đồng tình với 72,31%. Trong khi đó, kĩ năng “hợp tác và chia sẻ tích cực trên môi trường số” có tỷ lệ thấp hơn (53,85%) nhưng vẫn được hơn một nửa số giáo viên lựa chọn.

Kết quả trên cho thấy giáo viên không chỉ chú trọng giúp học sinh sử dụng công nghệ an toàn mà còn hướng tới việc hình thành hành vi và cách ứng xử phù hợp trong môi trường số ngay từ bậc tiểu học.

Trong câu hỏi “*Việc tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số mang lại những lợi ích gì cho học sinh?*” – Câu 6. Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1), thì kết quả thu được như sau:

Bảng 1.4. Lợi ích của tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh

STT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tăng hứng thú học tập	43	66.15
2	Hình thành thói quen sử dụng công nghệ an toàn	58	89.23

3	Phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác	32	49.23
4	Nâng cao ý thức trách nhiệm khi tham gia môi trường số	55	84.62
5	Gắn kiến thức bài học với thực tiễn	50	76.92
6	Khác:	0	0.00

Kết quả khảo sát ở bảng 1.4 cho thấy giáo viên đánh giá khá cao hiệu quả của việc tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học. Được lựa chọn nhiều nhất là lợi ích giúp học sinh hình thành thói quen sử dụng công nghệ an toàn (89,23%), cho thấy vấn đề an toàn số đang ngày càng được chú trọng trong giáo dục tiểu học. Ngoài ra, việc tích hợp còn được xem là góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm của học sinh khi tham gia môi trường số với tỷ lệ 84,62%. Nhiều giáo viên cũng nhận thấy rằng nội dung công dân số giúp bài học gắn với thực tế hơn (76,92%) và tạo thêm hứng thú cho học sinh trong quá trình học tập (66,15%).

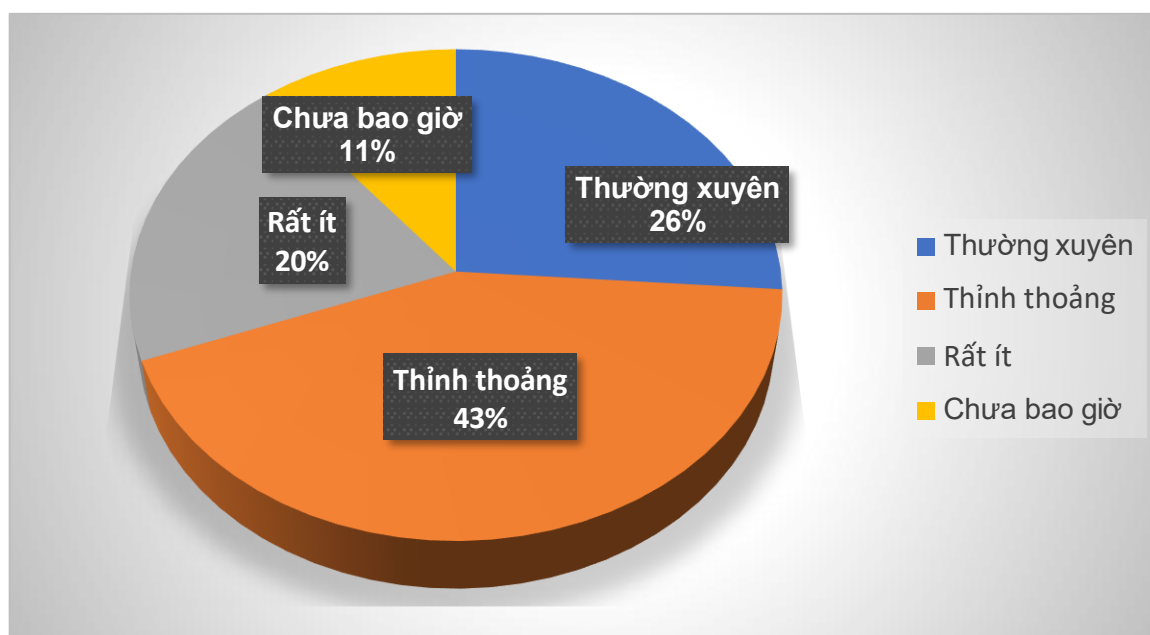
Dù tỷ lệ lựa chọn đối với kỹ năng giao tiếp, hợp tác chưa thật sự nổi bật (49,23%), các số liệu vẫn cho thấy giáo dục công dân số mang lại nhiều giá trị thiết thực, góp phần hỗ trợ học sinh thích nghi tốt hơn với môi trường học tập và cuộc sống trong thời đại công nghệ số.

Từ những kết quả trên có thể thấy, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số không chỉ hỗ trợ học sinh trong việc sử dụng công nghệ một cách an toàn mà còn góp phần nâng cao chất lượng học tập và phát triển các năng lực cần thiết, hướng tới mục tiêu giáo dục toàn diện trong bối cảnh hiện nay.

1.2.2.2. Thực trạng tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

Ở câu hỏi số 4, “*Thầy/Cô đã từng tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội chưa?*”- Câu 4. Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1), thì kết quả thu được như sau:

**Biểu đồ 1.5. Tỷ số phần trăm mức độ thực hiện tích hợp
giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội**

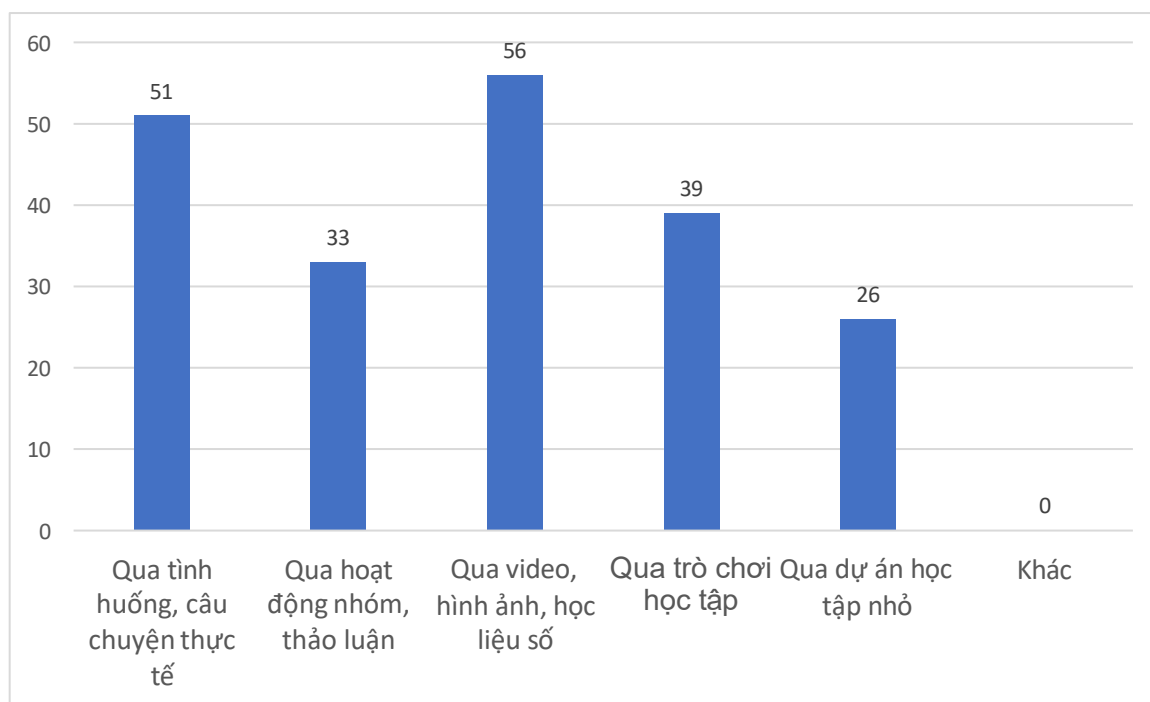


Biểu đồ 1.5 phản ánh rằng, mặc dù nội dung giáo dục kỹ năng công dân số đã được quan tâm và bước đầu đưa vào giảng dạy nhưng mức độ thực hiện tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội còn chưa đồng đều giữa giáo viên. Tỷ lệ cao nhất thuộc về mức “thỉnh thoảng” với 43%, cho thấy việc tích hợp đã được quan tâm nhưng chưa diễn ra thường xuyên trong quá trình giảng dạy. Tiếp theo là mức “thường xuyên” chiếm 26%, phản ánh một bộ phận giáo viên đã chủ động đưa nội dung công dân số vào bài học. Bên cạnh đó, vẫn có 20% giáo viên thực hiện ở mức “rất ít” và 11% “chưa bao giờ” thực hiện tích hợp. Những số liệu này cho thấy việc triển khai giáo dục kỹ năng công dân số trong thực tế vẫn còn nhiều hạn chế, đòi hỏi cần có thêm sự hỗ trợ về chuyên môn, tài liệu hướng dẫn và điều kiện dạy học nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện.

Việc đẩy mạnh tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học, đặc biệt là trong môn Tự nhiên và Xã hội, là hết sức cần thiết. Nội dung này không chỉ giúp học sinh hình thành các kỹ năng cần thiết khi tham gia môi trường số mà còn góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm và hành vi đúng đắn trong học tập và đời sống. Khi được lồng ghép thường xuyên, các bài học sẽ trở nên thiết thực, hấp dẫn hơn, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh.

Ở câu hỏi “*Các hình thức tích hợp Thầy/Cô thường sử dụng là gì?*” – Câu 5. Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1), thì kết quả thu được như sau:

Biểu đồ 1.6. Biểu đồ thể hiện các hình thức tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội



Biểu đồ 1.6 cho thấy giáo viên sử dụng nhiều hình thức khác nhau để tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. Trong đó, hình thức được lựa chọn nhiều nhất là thông qua video, hình ảnh và học liệu số với 56/65 phiếu (chiếm 86,15%), cho thấy giáo viên ưu tiên các phương tiện trực quan nhằm giúp học sinh dễ tiếp cận và hứng thú hơn với bài học.

Bên cạnh đó, việc lồng ghép qua các tình huống, câu chuyện thực tế cũng được nhiều giáo viên áp dụng với 51/65 phiếu (78,46%), góp phần giúp học sinh liên hệ kiến thức với đời sống hằng ngày. Hình thức trò chơi học tập chiếm 39 phiếu (60%), phản ánh xu hướng tạo môi trường học tập sinh động, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi tiểu học. Trong khi đó, hoạt động nhóm, thảo luận (33/65 phiếu - 50,77%) và dự án học tập nhỏ (26/65 phiếu - 40%) có tỷ lệ thấp hơn. Điều này cho thấy các hình thức yêu cầu nhiều thời gian và kỹ năng tổ chức vẫn chưa được khai thác thường xuyên trong thực tế dạy học.

Ở câu hỏi “*Những khó khăn Thầy/Cô gặp phải khi tích hợp giáo dục kỹ*

năng công dân số?” – Câu 7. Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1), thì kết quả thu được như sau:

**Bảng 1.7. Khó khăn khi thực hiện tích hợp giáo dục
kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội**

STT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể	49	75.38
2	Chưa được tập huấn chuyên sâu	54	83.08
3	Hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị	22	33.85
4	Học sinh còn nhỏ, khó tiếp cận khái niệm trừu tượng	18	27.69
5	Thiếu thời gian trong tiết học	10	15.38
6	Khác:	0	0.00

Bảng 1.7 phản ánh rằng quá trình tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học vẫn còn gặp nhiều trở ngại. Nổi bật nhất là khó khăn về chuyên môn khi có tới 83,08% giáo viên cho rằng họ chưa được tập huấn chuyên sâu. Bên cạnh đó, tình trạng thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể cũng chiếm tỷ lệ cao (75,38%), cho thấy giáo viên vẫn cần thêm định hướng và nguồn học liệu phù hợp để triển khai hiệu quả.

So với các khó khăn trên, những hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học (33,85%), đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học (27,69%) hay áp lực thời gian trong tiết học (15,38%) có tỷ lệ thấp hơn. Điều này cho thấy vấn đề lớn nhất hiện nay không nằm ở điều kiện dạy học mà chủ yếu ở việc hỗ trợ chuyên môn và cung cấp tài liệu hướng dẫn cho giáo viên.

Từ những khó khăn, câu hỏi về một số giải pháp – Câu 8. Phiếu khảo sát giáo viên (Phụ lục 1) được đưa ra, kết quả tổng hợp ở bảng dưới đây:

Bảng 1.8. Giải pháp để nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

STT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Xây dựng tài liệu hướng dẫn tích hợp cụ thể theo từng bài học	57	87.69
2	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên	51	78.46
3	Bổ sung học liệu số phù hợp với HS tiểu học	51	78.46
4	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học	36	55.38
5	Khác:	0	0.00

Bảng 1.8 cho thấy giáo viên đề xuất nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. Trong đó, giải pháp được đồng tình nhiều nhất là xây dựng tài liệu hướng dẫn tích hợp cụ thể theo từng bài học với tỷ lệ 87,69%. Điều này cho thấy giáo viên rất cần những định hướng rõ ràng và thiết thực để thuận lợi hơn trong quá trình tổ chức dạy học.

Bên cạnh đó, hai giải pháp gồm tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên và bổ sung học liệu số phù hợp với học sinh tiểu học đều đạt tỷ lệ 78,46%, phản ánh nhu cầu nâng cao năng lực chuyên môn và hỗ trợ thêm nguồn học liệu phục vụ giảng dạy.

Ngoài ra, việc tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học cũng được nhiều giáo viên quan tâm với 55,38% ý kiến lựa chọn. Kết quả trên cho thấy để việc tích hợp đạt hiệu quả cao cần có sự hỗ trợ đồng bộ từ tài liệu, học liệu đến công tác bồi dưỡng và điều kiện dạy học thực tế, từ đó giúp quá trình triển khai trở nên thuận lợi và thiết thực hơn.

Mặt khác, khi được điều tra bằng phiếu hỏi về đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội (Câu 9. Phiếu khảo sát – phụ lục 1), các thầy cô giáo đã chia sẻ rất nhiệt tình như: *“Tăng cường sử dụng học liệu số (video, hình ảnh, phần mềm học tập) nhưng có định hướng, kiểm soát nội dung phù hợp lứa tuổi”*; *“Đánh giá HS theo*

hướng chú trọng hành vi, thái độ và khả năng vận dụng kỹ năng số trong đời sống”; “Xây dựng kho học liệu số dùng chung (bài giảng, video, tình huống minh họa...)”; “Khuyến khích giáo viên chia sẻ kinh nghiệm, tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học”; “Kết nối với các tổ chức, chương trình giáo dục số để mở rộng môi trường học tập cho HS”,... Đây chính là những cơ sở thực tiễn để chúng tôi làm căn cứ xây dựng nội dung Chương 2.

Kết luận chương 1

Sau khi nghiên cứu cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy học tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học, chúng tôi nhận thấy:

- Dạy học tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số góp phần phát triển năng lực nhận thức, năng lực sử dụng công nghệ thông tin, năng lực giao tiếp, hợp tác và khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh.

- Việc tích hợp tạo điều kiện để học sinh được trải nghiệm các tình huống thực tế trong môi trường số, từ đó hình thành các kĩ năng cần thiết như tìm kiếm thông tin, giao tiếp trực tuyến, ứng xử văn minh và đảm bảo an toàn trên không gian mạng.

- Thực trạng điều tra cho thấy đa số giáo viên nhận thức được vai trò và sự cần thiết của việc tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội. Tuy nhiên, việc triển khai trong thực tế vẫn chưa thường xuyên và còn gặp nhiều khó khăn như thiếu tập huấn chuyên môn, tài liệu hướng dẫn và học liệu phù hợp.

- Cơ sở lí luận và kết quả khảo sát thực tiễn là căn cứ quan trọng để xây dựng nguyên tắc, quy trình và kế hoạch dạy học tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội.

Như vậy, những vấn đề lí luận và thực tiễn được nghiên cứu ở Chương 1 là cơ sở để triển khai nội dung Chương 2.

CHƯƠNG 2

TÍCH HỢP GIÁO DỤC KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC

2.1. Các nguyên tắc tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội

Khi tích hợp giáo dục KNCDS trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học, ngoài các nguyên tắc chung khi DHTEH, GV cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

2.1.1. Đảm bảo mục tiêu, nội dung chương trình môn Tự nhiên và Xã hội

Nguyên tắc này yêu cầu việc tích hợp giáo dục công dân số không được làm quá tải chương trình mà phải góp phần trực tiếp vào việc thực hiện mục tiêu môn học. Cụ thể, các nội dung số được lồng ghép phải giúp học sinh đạt được các yêu cầu về phẩm chất và các năng lực đặc thù.

Trong bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống, các bài học thường bắt đầu từ những tình huống gần gũi. Khi tích hợp yếu tố "số", giáo viên cần giúp học sinh hiểu rằng các quy tắc ứng xử, an toàn và trách nhiệm trong đời thực cũng cần được áp dụng tương đương trên không gian mạng. Điều này giúp cụ thể hóa năng lực vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong kĩ nguyên số.

Kiến thức trong sách giáo khoa được xem là nền tảng để gắn kết các kĩ năng công dân số. Giáo viên cần nghiên cứu kỹ bài học để tìm ra các nội dung phù hợp để liên hệ, tích hợp vào bài học này giúp làm rõ hơn các khía cạnh văn hóa, xã hội trong đời sống hiện đại (ví dụ: tích hợp cách liên lạc an toàn qua điện thoại hoặc internet...).

Ví dụ: Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà (lớp 1)

- Mục tiêu bài học chính: HS nhận biết được một số đồ dùng trong nhà có thể gây nguy hiểm (đồ sắc nhọn, đồ điện, đồ nóng,...); HS nêu và thực hiện được những việc làm để sử dụng an toàn các đồ dùng trong nhà; biết cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người thân gặp tai nạn thương tích tại nhà.

- Nội dung tích hợp giáo dục công dân số: Quy tắc sử dụng an toàn các thiết bị công nghệ (TV, điện thoại, máy tính bảng); nhận thức về nguy cơ điện giật và quy tắc không tự ý cắm/rút phích điện của các thiết bị công nghệ.

2.1.2. Đảm bảo tính vừa sức

Nguyên tắc này yêu cầu nội dung tích hợp giáo dục KNCDS không được làm thay đổi yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực đặc thù của học sinh tiểu học mà phải làm "giàu" thêm các năng lực này trong bối cảnh kỉ nguyên số.

Nguyên tắc cốt lõi là lấy kiến thức bài học làm nền tảng để kết nối với các kĩ năng số. Khi lựa chọn nội dung giáo dục công dân số giáo viên cần phải ưu tiên những vấn đề thực tiễn, cấp thiết và phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh lớp 1, 2, 3 để tránh gây xa lạ hay quá khó hiểu.

Ví dụ: Bài 11: Hoạt động mua bán hàng hóa (lớp 2)

- Mục tiêu bài học: Học sinh nêu được vai trò của người bán, người mua; biết cách lựa chọn hàng hóa cần thiết.

- Mục tiêu tích hợp giáo dục KNCDS: Giới thiệu sơ lược về khái niệm mua sắm trực tuyến; hình thành ý thức về sự giám sát của cha mẹ và bảo mật thông tin cá nhân khi sử dụng thiết bị số.

2.1.3. Đảm bảo tính xác thực với thực tiễn

Nguyên tắc đảm bảo tính xác thực với thực tiễn yêu cầu nội dung giáo dục công dân số được tích hợp trong môn Tự nhiên và Xã hội phải phản ánh đúng thực tế, khách quan, phù hợp với điều kiện đời sống hiện nay. GV cần nghiên cứu kỹ các tài liệu, đưa ra các thông tin chính xác, khoa học; các tình huống thực tiễn được chọn lọc từ những nguồn đáng tin cậy. Việc đảm bảo tính xác thực không chỉ giúp HS hiểu đúng và đầy đủ các quy tắc đạo đức, trách nhiệm và an toàn trên môi trường mạng mà còn giúp học sinh hình thành năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề thực tiễn, từ việc giữ an toàn thân thể đến việc bảo vệ thông tin cá nhân trên không gian số.

Ví dụ: Bài 2: Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình (lớp 2), giáo viên mở rộng thêm cho học sinh về một số ngành nghề mới xuất hiện và đang phát triển mạnh mẽ khi không gian mạng, như: lập trình viên, người bán hàng online, Youtuber (nhà sáng tạo nội dung),... mà có thể người thân trong gia đình làm.

2.1.4. Đảm bảo tính linh hoạt và sáng tạo

Trong bối cảnh chuyển đổi số giáo dục, việc tích hợp các nội dung công dân số vào môn Tự nhiên và Xã hội không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là cơ hội để làm phong phú thêm trải nghiệm học tập của học sinh. Để việc tích hợp này đạt hiệu quả cao, giáo viên cần quán triệt nguyên tắc linh hoạt và sáng tạo trong mọi khâu của quá trình dạy học. Nguyên tắc này đòi hỏi việc tích hợp giáo dục công dân số phải giúp kiến thức môn Tự nhiên và Xã hội trở nên sát thực với đời sống số tại địa phương nơi học sinh sinh sống. Giáo viên không nên áp dụng máy móc các ví dụ trong sách giáo khoa mà cần chủ động lựa chọn những nội dung số phù hợp với điều kiện thực tế.

Sự linh hoạt còn thể hiện ở việc giáo viên tự do lựa chọn và phối hợp các phương pháp dạy học hiện đại để khơi gợi hứng thú cho học sinh. Tùy vào năng lực của giáo viên và điều kiện cơ sở vật chất (máy tính, máy chiếu, Internet), các phương pháp như trò chơi học tập, thảo luận nhóm, hay dạy học dự án... có thể được biến đổi để tích hợp yếu tố số giúp các em vừa nắm vững kiến thức môn học, vừa hình thành kỹ năng khai thác thông tin số.

Tính sáng tạo không chỉ nằm ở phía người dạy mà còn phải được thể hiện rõ nét ở phía người học. Trong các bài học tích hợp công dân số, giáo viên nên tạo điều kiện để học sinh tạo ra các sản phẩm học tập đa dạng. Điều này giúp học sinh bước đầu làm quen với sử dụng công nghệ số một cách có trách nhiệm.

Ví dụ: Bài 11: Di tích lịch sử - văn hóa và cảnh quan thiên nhiên (lớp 3): Giáo viên có thể tích hợp giáo dục KNCDS để học sinh tự tìm hiểu, “đi tham quan” các danh lam thắng cảnh qua Internet (tour du lịch ảo) và xây dựng quy tắc ứng xử văn minh khi chia sẻ thông tin về di sản lên không gian mạng.

2.1.5. Đảm bảo tính khả thi và hiệu quả

Trong giáo dục KNCDS thông qua môn Tự nhiên và Xã hội, việc đảm bảo tính khả thi và hiệu quả là yếu tố then chốt để giúp học sinh tiểu học bước đầu tiếp cận thế giới số một cách an toàn và trách nhiệm.

Tính khả thi đòi hỏi nội dung giáo dục phải được đơn giản hóa để phù hợp với trình độ nhận thức của trẻ. Thay vì giảng giải về các thuật toán phức tạp hay an ninh mạng chuyên sâu, giáo viên nên tập trung vào những hành vi thực tế, gần

gửi như: cách bảo vệ thông tin cá nhân, nhận diện các biểu tượng cơ bản trên thiết bị điện tử, hoặc giới hạn thời gian sử dụng màn hình để bảo vệ sức khỏe. Việc dạy học cần tận dụng ngay các thiết bị sẵn có trong nhà trường hoặc gia đình (máy tính, máy tính bảng, điện thoại) giúp trẻ có cơ hội trẻ được quan sát trực tiếp.

Tính hiệu quả được thể hiện qua việc hình thành những thói quen tốt và phản xạ tự nhiên của học sinh khi tương tác với môi trường mạng. Một bài học hiệu quả không chỉ dừng lại ở việc học sinh ghi nhớ lý thuyết mà phải được minh chứng qua hành động cụ thể như: các em biết hỏi ý kiến người lớn trước khi truy cập một trang web lạ, biết cách ứng xử lịch sự khi tham gia các lớp học trực tuyến, hoặc nhận biết được các dấu hiệu bắt nạt qua mạng. Để đạt được điều này, giáo viên nên lồng ghép KNCDS vào các chủ đề của môn Tự nhiên và Xã hội như “Gia đình” (ghi nhớ quy tắc sử dụng an toàn các thiết bị điện tử) hay “Cộng đồng địa phương” (tìm kiếm thông tin về danh lam thắng cảnh qua internet dưới sự giám sát). Cuối cùng, hiệu quả thực sự chỉ đạt được khi có sự đồng hành của phụ huynh trong việc thiết lập “khung kỷ luật số” tại nhà, giúp trẻ biến những điều đã học thành lối sống văn minh trong kỷ nguyên số.

2.2. Quy trình thiết kế kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội

2.2.1. Bước 1: Xác định mục tiêu/Yêu cầu cần đạt của bài học

Sau khi xác định bài học có khả năng tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số, giáo viên căn cứ vào Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội cấp tiểu học để xác định yêu cầu cần đạt, đảm bảo mục tiêu bài học không chỉ bao gồm kiến thức môn học mà còn hướng tới hình thành và phát triển các kỹ năng công dân số cho học sinh.

2.2.2. Bước 2: Lựa chọn nội dung giáo dục kỹ năng công dân số

- Giáo viên lựa chọn các nội dung phù hợp như: sử dụng thiết bị số an toàn, tìm kiếm và xử lý thông tin, giao tiếp trực tuyến, ứng xử văn minh trên mạng, bảo vệ thông tin cá nhân,... gắn với nội dung bài học.

- Nội dung tích hợp cần gần gũi, thiết thực với học sinh tiểu học, phù hợp với mục tiêu bài học, tránh gây quá tải hoặc vượt quá khả năng nhận thức của học sinh.

2.2.3. Bước 3: Xác định hình thức và mức độ tích hợp

Giáo viên xác định rõ hình thức và mức độ tích hợp nội dung giáo dục kỹ năng công dân số trong bài học, cụ thể:

- Hình thức tích hợp (mức độ toàn phần): Nội dung bài học tập trung chủ yếu vào giáo dục kỹ năng công dân số.
- Hình thức lồng ghép (mức độ bộ phận): Một phần nội dung bài học được lồng ghép với giáo dục kỹ năng công dân số.
- Hình thức liên hệ (mức độ liên hệ, mở rộng): Giáo viên liên hệ, bổ sung các tình huống liên quan đến môi trường số trong quá trình dạy học.

2.2.4. Bước 4: Xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp

- Giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh thông qua các phương pháp như: thảo luận nhóm, trò chơi học tập, xử lý tình huống, đóng vai, dự án nhỏ,... gắn với bối cảnh thực tiễn trong môi trường số.
- Đồng thời, sử dụng các học liệu đa dạng như: hình ảnh, video, tình huống minh họa, thiết bị số,... nhằm nâng cao hiệu quả dạy học và giúp học sinh hình thành kỹ năng công dân số một cách tự nhiên, hiệu quả.

2.3. Thiết kế kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội

Dựa vào các nguyên tắc và quy trình đã xây dựng ở mục 2.1 và 2.2, đồng thời dựa vào các yêu cầu cần đạt cụ thể và nội dung ở từng bài học trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3, GV có thể tiến hành thiết kế Kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục KNCDS đảm bảo các yêu cầu. Một số bài học có khả năng tích hợp giáo dục KNCDS trong môn Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống):

Bảng 2.1. Thống kê một số bài dạy tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 1, 2, 3

Lớp	Chủ đề	Bài tích hợp	Mức độ tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
1	Chủ đề 1: Gia đình	Bài 3: Đồ dùng trong nhà	Tích hợp toàn phần	1. Sử dụng các thiết bị kĩ thuật số 1.1. Sử dụng phần cứng thiết bị kĩ thuật số (- Nhận diện, phân biệt được hình dạng, chức năng một số thiết bị kĩ thuật số thông dụng - Biết cách sử dụng thiết bị công nghệ đúng cách, an toàn. - Hình thành thói quen giữ gìn, bảo vệ thiết bị công nghệ)
		Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà	Tích hợp bộ phận	5. An toàn kĩ thuật số 5.1. Bảo vệ thiết bị (- HS nhận biết được quy tắc sử dụng an toàn các thiết bị công nghệ - Nhận thức về nguy cơ điện giật và quy tắc không tự ý cắm/rút phích điện của các thiết bị công nghệ. - Hình thành thói quen sử dụng thiết bị công nghệ an toàn, có trách nhiệm.)
	Chủ đề 2: Trường học	Bài 6: Lớp học của em	Tích hợp bộ phận/ Tích hợp liên hệ, mở rộng	1. Sử dụng các thiết bị kĩ thuật số 1.1. Sử dụng phần cứng thiết bị kĩ thuật số (- Nhận biết các thiết bị hỗ trợ học tập (máy chiếu, loa, máy tính bàn). - Hình thành ý thức bảo vệ và giữ gìn đồ dùng học tập kĩ thuật số trong lớp.)

Lớp	Chủ đề	Bài tích hợp	Mức độ tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
		Bài 8: Cùng vui ở trường	Tích hợp liên hệ, mở rộng	5. An toàn kỹ thuật số 5.1. Bảo vệ thiết bị (Ứng xử lịch sự khi tham gia các hoạt động chung có sử dụng công nghệ. Giữ gìn các sản phẩm công nghệ khi tham gia vui chơi ở trường.)
	Chủ đề 4: Thực vật và Động vật	- Bài 15: Cây xung quanh em - Bài 17: Con vật quanh em	Tích hợp toàn phần/ Tích hợp bộ phận	2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu 2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số 6. Giải quyết vấn đề 6.2. Xác định nhu cầu và phản hồi công nghệ 6.3. Sử dụng sáng tạo thiết bị số 7. Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan 7.2. Diễn giải, thao tác với dữ liệu và nội dung kỹ thuật số cho một lĩnh vực đặc thù (Giáo dục trẻ về việc sử dụng Internet dưới sự hướng dẫn của giáo viên/phụ huynh để xem những hình ảnh, video sinh động tìm hiểu về thế giới tự nhiên mà thực tế lớp học không có.)
	Chủ đề 5: Con người và Sức khỏe	Bài 21: Các giác quan của cơ thể	Tích hợp liên hệ, mở rộng	5. An toàn kỹ thuật số 5.3. Bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất (Bảo vệ thị giác và thính giác. Giáo dục cho HS tư thế ngồi đúng và quy tắc 20-20-20: sau 20 phút dùng máy tính, nhìn xa 20 feet trong 20 giây.)

Lớp	Chủ đề	Bài tích hợp	Mức độ tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
		Bài 23: Vận động và nghỉ ngơi	Tích hợp liên hệ, mở rộng	5. An toàn kỹ thuật số 5.3. Bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất (Phân bổ thời gian sử dụng thiết bị số hợp lý. Cảnh báo việc thức khuya để xem phim hoặc chơi trò chơi điện tử sẽ gây hại cho sức khỏe.)
2	Chủ đề 1: Gia đình	Bài 1: Các thế hệ trong gia đình	Tích hợp liên hệ, mở rộng	5. An toàn kỹ thuật số 5.2. Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư (Giáo dục học sinh về việc chia sẻ hình ảnh gia đình lên mạng xã hội. Cần xin phép người thân trước khi chụp ảnh hoặc đăng tải thông tin, hình ảnh của các thành viên lên internet để tôn trọng quyền riêng tư.)
		Bài 2: Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình	Tích hợp bộ phận/ Tích hợp liên hệ, mở rộng	3. Giao tiếp và hợp tác 3.3. Tham gia với tư cách công dân thông qua công nghệ số Mở rộng một số nghề nghiệp liên quan đến không gian mạng như lập trình viên, bán hàng online,...
	Chủ đề 2: Trường học	Bài 7: Ngày hội đọc sách của chúng em	Tích hợp bộ phận/ Tích hợp liên hệ, mở rộng	1. Sử dụng các thiết bị kỹ thuật số 1.1. Sử dụng phần cứng thiết bị kỹ thuật số 5. An toàn kỹ thuật số 5.1. Bảo vệ thiết bị (Làm quen với việc tìm hiểu thông tin qua sách điện tử hoặc các nguồn tư liệu số trong thư viện. Giáo dục ý

Lớp	Chủ đề	Bài tích hợp	Mức độ tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
				thức bảo quản các thiết bị đọc sách dùng chung.)
		Bài 8: An toàn khi ở trường	Tích hợp bộ phận/ Tích hợp liên hệ, mở rộng	5. An toàn kỹ thuật số 5.1. Bảo vệ thiết bị 5.3. Bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất (Giáo dục quy tắc an toàn khi sử dụng các thiết bị trong phòng máy tính hoặc sử dụng internet của nhà trường; nhận biết và phòng tránh các hành vi bắt nạt qua mạng đối với bạn bè trong trường.)
	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương	Bài 11: Hoạt động mua bán hàng hóa	Tích hợp bộ phận	3. Giao tiếp và hợp tác 3.6. Quản lý định danh cá nhân 5. An toàn kỹ thuật số 5.2. Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư (- Hiểu biết sơ lược về mua sắm trực tuyến. - Hình thành ý thức công dân số an toàn: không được tự ý mua hàng online, nên nhờ cha mẹ giúp đỡ mua đồ online; không chia sẻ thông tin cá nhân.)
		- Bài 13: Hoạt động giao thông	Tích hợp bộ phận/ Tích hợp liên hệ, mở rộng	1. Sử dụng các thiết bị kỹ thuật số 1.1. Sử dụng phần cứng thiết bị kỹ thuật số (HS nhận biết một số thiết bị hỗ trợ giao thông thông minh như bản đồ số, hệ thống camera giám sát... Xây dựng ý thức tuyệt đối không sử dụng điện thoại khi đang di
		- Bài 14: Cùng tham gia giao thông		

Lớp	Chủ đề	Bài tích hợp	Mức độ tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
				chuyển trên đường để đảm bảo an toàn.)
	Chủ đề 4: Thực vật và Động vật	Bài 18: Cần làm gì để bảo vệ môi trường sống của thực vật và động vật?	Tích hợp bộ phận/ Tích hợp liên hệ, mở rộng	2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu 2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số (HS được sử dụng internet để tìm kiếm hình ảnh, video về các loài sinh vật quý hiếm hoặc các hành động bảo vệ môi trường. Giáo dục trẻ về việc lan tỏa những thông điệp tích cực về bảo vệ thiên nhiên trên môi trường mạng.)
	Chủ đề 5: Con người và Sức khỏe	Bài 22: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan vận động	Tích hợp liên hệ, mở rộng	5.1. Bảo vệ thiết bị 5.3. Bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất (Lưu ý với HS về tư thế ngồi đúng khi sử dụng máy tính/điện thoại để tránh cong vẹo cột sống và các bệnh về xương khớp.)
	Chủ đề 6: Trái Đất và Bầu trời	Bài 29: Một số thiên tai thường gặp	Tích hợp liên hệ, mở rộng	2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu 2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số (HS biết cách theo dõi các bản tin dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai qua các ứng dụng số hoặc trang web chính thống của cơ quan chức năng để chủ động phòng tránh.)
	Chủ đề 1: Gia đình	Bài 1: Họ hàng và những ngày	Tích hợp liên hệ, mở rộng	3. Giao tiếp và hợp tác 3.5. Chuẩn mực trong giao tiếp

Lớp	Chủ đề	Bài tích hợp	Mức độ tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
		kỉ niệm của gia đình		3.6. Quản lí định danh cá nhân (Giao tiếp lịch sự khi gọi video, nhắn tin với người thân; không chia sẻ thông tin cá nhân của gia đình lên mạng.)
3		Bài 3: Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà	Tích hợp bộ phận	5.1. Bảo vệ thiết bị 5.3. Bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất (- Nhận diện nguy cơ cháy nổ từ thiết bị công nghệ. - Nêu được quy tắc an toàn điện khi sử dụng thiết bị số. - Hình thành thói quen sử dụng thiết bị công nghệ an toàn, có trách nhiệm.)
	Chủ đề 2: Trường học	Bài 6: Truyền thống trường em	Tích hợp bộ phận	3. Giao tiếp và hợp tác 3.5. Chuẩn mực trong giao tiếp (Ứng xử văn minh trên môi trường mạng; chia sẻ hình ảnh trường học đúng mực)
		Bài 8: Giữ an toàn và vệ sinh ở trường	Tích hợp liên hệ, mở rộng	5. An toàn kĩ thuật số 5.1. Bảo vệ thiết bị (Sử dụng và bảo quản các thiết bị công nghệ đúng cách trong trường học)
	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương	- Bài 9: Hoạt động nông nghiệp - Bài 10: Hoạt động sản xuất thủ công và công nghiệp	Tích hợp liên hệ, mở rộng	2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu 2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số (Nhận biết vai trò của công nghệ số trong sản xuất; sử dụng máy móc an toàn; ; tìm hiểu thông tin ứng dụng công

Lớp	Chủ đề	Bài tích hợp	Mức độ tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
				nghệ vào các ngành nghề trên internet có chọn lọc)
		Bài 11: Di tích lịch sử - văn hóa và cảnh quan thiên nhiên	Tích hợp toàn phần	2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu 2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số 3. Giao tiếp và hợp tác 3.5. Chuẩn mực trong giao tiếp 6. Giải quyết vấn đề 6.2. Xác định nhu cầu và phản hồi công nghệ 6.3. Sử dụng sáng tạo thiết bị số 7. Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan 7.2. Diễn giải, thao tác với dữ liệu và nội dung kỹ thuật số cho một lĩnh vực đặc thù (- Biết sử dụng thiết bị số (màn hình, video, tour ảo) để học tập. - Tìm hiểu địa danh qua Internet một cách có chọn lọc. - Có ý thức ứng xử văn minh trên không gian mạng.)
	Chủ đề 4: Con người và sức khỏe	Bài 23: Chăm sóc và bảo vệ cơ quan thần kinh	Tích hợp bộ phận	5.1. Bảo vệ thiết bị 5.3. Bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất (Nêu được tác hại của việc sử dụng thiết bị điện tử (điện thoại, máy tính bảng) quá mức đối với hệ thần kinh và giấc ngủ; thiết lập thời gian sử dụng thiết bị hợp lý.)
		Bài 24: Thu thập thông tin	Tích hợp bộ phận	5.1. Bảo vệ thiết bị

Lớp	Chủ đề	Bài tích hợp	Mức độ tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
	Chủ đề 5: Trái Đất và Bầu trời	về các chất và hoạt động có hại cho sức khỏe		5.3. Bảo vệ sức khỏe tinh thần và thể chất (Nhận diện và chọn lọc được các thông tin về sức khỏe trên mạng, tránh tin giả về các loại thuốc hoặc thực phẩm chức năng không rõ nguồn gốc.)
		Bài 26: Xác định các phương trong không gian	Tích hợp bộ phận	2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu 2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số (Làm quen với việc sử dụng la bàn số hoặc ứng dụng định vị trên điện thoại thông minh để xác định phương hướng thực tế.)
		Bài 29: Mặt Trời, Trái Đất, Mặt Trăng	Tích hợp toàn phần/ Tích hợp bộ phận	2. Kỹ năng về thông tin và dữ liệu 2.1. Duyệt, tìm kiếm và lọc dữ liệu, thông tin và nội dung số 6. Giải quyết vấn đề 6.2. Xác định nhu cầu và phản hồi công nghệ 6.3. Sử dụng sáng tạo thiết bị số 7. Năng lực định hướng nghề nghiệp liên quan 7.2. Diễn giải, thao tác với dữ liệu và nội dung kỹ thuật số cho một lĩnh vực đặc thù (HS được thực hiện sử dụng các phần mềm mô phỏng hoặc video từ các kênh khoa học uy tín trên YouTube để quan sát sự chuyển động của các hành tinh trong hệ Mặt Trời.)

Tuy nhiên, trong phạm vi của đề tài, chúng tôi lựa chọn một số bài học tiêu biểu thuộc các chủ đề khác nhau của các khối lớp 1, 2, 3 để thiết kế kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục KNCDS, cụ thể:

Lớp	Chủ đề	Bài dạy tích hợp	Khung năng lực số tham chiếu
1	Chủ đề 1: Gia đình	Bài 3: Đồ dùng trong nhà (Tiết 1)	1
		Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà (Tiết 2)	5
2	Chủ đề 1: Gia đình	Bài 2: Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình (tiết 1)	3
	Chủ đề 3 Cộng đồng địa phương	Bài 11: Hoạt động mua bán hàng hoá (tiết 2)	3,5
3	Chủ đề 1: Gia đình	Bài 3: Phòng tránh hoả hoạn khi ở nhà (tiết 1)	5
	Chủ đề 3: Cộng đồng địa phương	Bài 11: Di tích lịch sử - văn hoá và cảnh quan thiên nhiên (tiết 1)	2,6,7

2.3.1. Lớp 1

CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH

BÀI 3: ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

1.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xử lý tình huống liên quan đến sử dụng đồ dùng.

1.2. Năng lực đặc thù

- Nhận biết, gọi đúng tên một số đồ dùng trong nhà.
- Phân loại được đồ dùng theo công dụng (ăn uống, học tập, sinh hoạt...).
- Nêu được cách sử dụng và giữ gìn một số đồ dùng đơn giản.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành bài tập theo yêu cầu, chăm chỉ suy nghĩ trả lời các câu hỏi.

- Trách nhiệm: Biết giữ gìn đồ dùng trong gia đình.

3. Tích hợp giáo dục công dân số:

3.1. Nội dung tích hợp:

- Nhận diện một số thiết bị công nghệ trong gia đình (TV, điện thoại thông minh, máy tính,...).

- Biết cách sử dụng thiết bị công nghệ đúng cách, an toàn.

- Hình thành thói quen giữ gìn, bảo vệ thiết bị công nghệ (không làm rơi, không dùng khi tay ướt, không sử dụng quá lâu...).

3.2. Mức độ tích hợp: Toàn phần.

II. CHUẨN BỊ

- KHBD, máy tính, máy chiếu.

- SGK, hình ảnh minh họa, học liệu phục vụ tiết dạy.

- Video sử dụng đồ dùng an toàn.

- Trò chơi “Đoán nhanh-gọi tên”, “Nhanh trí- nhanh mắt”.

- Bài hát “A ram sam sam”.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG	
* Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS khi bước vào bài mới. Gợi nhớ hiểu biết ban đầu về một số đồ dùng trong gia đình.	
* Thời gian: 5 phút.	
* PP/KTDH: Trò chơi học tập.	
* Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Đoán nhanh-gọi tên”: Luật chơi: Giáo viên lần lượt đưa ra các mô tả ngắn về một đồ dùng trong gia đình (ví dụ:	- HS lắng nghe luật chơi, tham gia chơi (Ví dụ:

công dụng, đặc điểm), học sinh lắng nghe và nhanh chóng đoán tên đồ dùng đó. Học sinh giơ tay để trả lời, ai trả lời đúng và nhanh sẽ được khen thưởng. Trò chơi diễn ra trong thời gian quy định, học sinh không nói chen, không nhắc bài cho bạn và phải trả lời rõ ràng. - GV nhận xét phần chơi của HS và dẫn dắt vào bài: Trong gia đình có rất nhiều đồ dùng khác nhau, trong đó có cả những thiết bị công nghệ. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học ngày hôm nay: “<i>Bài 3: Đồ dùng trong nhà (tiết 1)</i>” - Yêu cầu HS đọc yêu cầu cần đạt của bài	+ “Dùng để nấu cơm hằng ngày, có nút bấm và nắp đậy.” → Nồi cơm điện + “Dùng để giữ thức ăn lạnh, có nhiều ngăn và luôn cắm điện.” → Tủ lạnh + “Dùng để gọi điện, nhắn tin, có thể mang theo bên mình.” → Điện thoại + “Dùng để đun nước rất nhanh, nhưng không phải nấu.” → Ấm siêu tốc + “Dùng để nấu ăn, nhưng không cần lửa, chỉ cần cắm điện.” → Bếp điện - HS lắng nghe - HS đọc
--	---

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận diện đồ dùng trong nhà

* **Mục tiêu:** HS nhận biết và gọi tên được một số đồ dùng trong gia đình.

Phân biệt được đồ dùng thông thường và thiết bị công nghệ.

Bước đầu hiểu công dụng của các đồ dùng trong gia đình.

* **Thời gian:** 7 phút.

* **PP/KTDH:** Thảo luận nhóm, quan sát, vấn đáp.

* **Cách tiến hành:**

- Yêu cầu HS quan sát tranh SGK và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:

+ Trong nhà có những đồ dùng nào?

+ Đồ dùng đó dùng để làm gì?



- Mời 2-3 nhóm trả lời vấn đáp

- GV nhận xét phần trả lời của các nhóm

- GV mở rộng cho HS một số thiết bị công nghệ trong gia đình như: ti vi, điện thoại, máy tính... và hỏi HS suy đoán về công dụng của chúng

- GV nhận xét và kết luận: Gia đình nào cũng có các đồ dùng để sử dụng trong sinh hoạt cũng

- Cả lớp quan sát và suy nghĩ trả lời câu hỏi

(Dự kiến:

+ Tủ lạnh: giúp bảo quản thức ăn và làm mát đồ uống.

+ Nước rửa chén: dùng để rửa các đồ dùng.

+ Giá để bát: dùng để úp chén bát sau khi rửa xong.

+ Rổ: dùng để đựng rau, củ, quả.

+ Lò vi sóng: dùng để làm các món nướng và hâm nóng thức ăn.

+ Bếp ga: dùng để đun nấu thức ăn.

+ Bình nước và cốc: dùng để uống nước.

+ Tủ chén bát: để các đồ dùng như đĩa, chén, bát, li tách, chai lọ...

+ Đĩa: để đựng thức ăn.

+ Rèm cửa: để che nắng.)

- HS thực hiện, cả lớp nhận xét

- HS lắng nghe

- HS lắng nghe và trả lời câu hỏi

- HS lắng nghe

như học tập hằng ngày trong đó có các thiết bị công nghệ như TV, điện thoại, máy tính... Mỗi loại đồ dùng có chức năng khác nhau.	
Hoạt động 2: Cách sử dụng và bảo quản đồ dùng trong nhà *Mục tiêu: HS nêu được cách giữ gìn một số đồ dùng trong gia đình. Biết sử dụng thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách. Hình thành ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ đồ dùng, đặc biệt là thiết bị công nghệ. * Thời gian: 10 phút. * PP/KTDH: Quan sát, thảo luận nhóm, vận đáp. * Cách tiến hành:	
- Yêu cầu HS quan sát hình (2 hình trong SGK và một số hình về bảo quản đồ dùng công nghệ: bạn nhỏ chơi đá bóng trong nhà làm vỡ tivi, bạn nhỏ dùng tay ướt chạm vào ổ điện...) và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: + Các bạn nhỏ đang làm gì? + Hành động đó nên hay không nên? Vì sao?  2  3	- HS quan sát hình và thảo luận nhóm trả lời câu hỏi (Dự kiến: - Hình 2: + Bạn nhỏ đang phơi khăn. + Hành động đó nên làm vì giúp khăn sạch sẽ, gọn gàng. - Hình 3: + Bạn nhỏ đang cùng mẹ lau dọn tủ lạnh. + Hành động đó nên làm vì giúp đồ dùng sạch đẹp và sử dụng được lâu hơn. - Hình bạn nhỏ đá bóng làm vỡ tivi: + Bạn nhỏ đang chơi đá bóng trong nhà. + Hành động đó không nên làm vì dễ làm hỏng tivi và gây nguy hiểm.



- Hình bạn nhỏ dùng tay ướt chạm vào ổ điện:
- + Bạn nhỏ đang chạm vào ổ điện khi tay còn ướt.
- + Hành động đó không nên làm vì có thể bị điện giật, rất nguy hiểm.)

- Mời 1-2 nhóm lên bảng hỏi - đáp báo cáo kết quả
- Yêu cầu HS kể thêm một số đồ dùng khác mà em biết, nêu cách sử dụng và bảo quản đồ dùng đó.
- GV nhận xét và kết luận: Mọi người cần có ý thức giữ gìn và bảo quản các đồ dùng trong nhà. Sử dụng thiết bị công nghệ đúng cách: không dùng khi tay ướt, không xem quá lâu, sử dụng khi có sự cho phép của người lớn.

- HS thực hiện, cả lớp nhận xét
- HS trả lời
- HS lắng nghe

C. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

***Mục tiêu:** Biết phân biệt chức năng của một số đồ dùng trong nhà.

HS phân loại được đồ dùng trong gia đình theo nhóm (sinh hoạt, học tập, công nghệ...).

*** Thời gian:** 4 phút.

*** PP/KTDH:** Trò chơi học tập.

*** Cách tiến hành:**

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Nhanh trí-nhanh mắt”:

Luật chơi: GV chia lớp thành 2 đội, chuẩn bị 2 bộ thẻ cho 2 đội. Lần lượt từng đội giơ hình ảnh, đội còn lại nêu tên, chức năng của đồ dùng đó và phân loại đồ dùng đó thuộc nhóm đồ dùng sinh hoạt - học tập - công nghệ. Mỗi câu trả lời đúng được tính 1 điểm. Kết thúc trò chơi, đội nào giành được nhiều điểm hơn sẽ thắng cuộc.

- GV nhận xét và kết luận: Qua trò chơi, các em đã nhận diện và gọi đúng tên nhiều đồ dùng trong gia đình, nêu được công dụng và phân loại theo nhóm sinh hoạt, học tập, công nghệ. Điều đó cho thấy mỗi đồ dùng đều có vai trò riêng trong cuộc sống. Vì vậy, chúng ta cần sử dụng đúng cách và biết giữ gìn, đặc biệt là các thiết bị công nghệ để đảm bảo an toàn và sử dụng hiệu quả.

- HS lắng nghe luật chơi và tham gia chơi



- HS lắng nghe

C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

***Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức để xử lý tình huống thực tế.

Hình thành ý thức trách nhiệm, thói quen giữ gìn đồ dùng gia đình.

*** Thời gian:** 10 phút.

*** PP/KTDH:** Thảo luận nhóm, đóng vai.

*** Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS quan sát 2 bức tranh trong SGK và 2 bức tranh về giữ gìn đồ công nghệ: Tắt tivi khi không sử dụng, Lau máy tính bằng khăn khô.

- HS trả lời câu hỏi

(Ví dụ HS thực hiện đóng vai:

- Vệ sinh nồi cơm điện (Tranh 2)
+ Con: "Mẹ ơi, sao mẹ lại lau vỏ nồi cơm kỹ thế ạ?"



Gợi ý tìm hiểu nhóm bốn:

- + Các bạn được bố/mẹ hướng dẫn giữ gìn các đồ dùng bằng cách nào?
- + Thảo luận và đóng vai nhân vật thể hiện bố mẹ hướng dẫn con giữ gìn đồ dùng (Gợi ý cho HS để nhận biết tranh và thực hiện đóng vai:

+ Mẹ: "Lau sạch bụi và nước bám bên ngoài sẽ giúp nồi cơm nhà mình luôn mới và không bị hỏng mạch điện bên trong đấy con."

+ Con: "Dạ, lần sau mẹ cho con giúp một tay nhé!"

- Lau máy tính bằng khăn khô (Tranh 3)

+ Bố/Mẹ: "Máy tính của con hơi bám bụi rồi, con lấy khăn để vệ sinh đi."

+ Con: "Con lấy khăn ướt lau cho sạch nhanh mẹ nhé?"

+ Bố/Mẹ: "Đừng con! Đồ điện tử rất sợ nước. Con phải dùng khăn khô và mềm để lau nhẹ nhàng thôi."

+ Con: (Thực hiện lau) "Dạ, máy tính lại sạch bong rồi ạ!"

CHỦ ĐỀ: GIA ĐÌNH

BÀI 4: AN TOÀN KHI SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

1.1 Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

1.2 Năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm khi sử dụng đồ dùng trong nhà.
- Nêu được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người thân gặp tai nạn thương tích tại nhà.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành bài tập theo yêu cầu, chăm chỉ suy nghĩ trả lời các câu hỏi.
- Trách nhiệm: Có ý thức giữ an toàn cho bản thân và người khác.

3. Tích hợp giáo dục công dân số:

3.1. Nội dung tích hợp:

- HS nhận biết được quy tắc sử dụng an toàn các thiết bị công nghệ (TV, điện thoại, máy tính bảng).
- Nhận thức về nguy cơ điện giật và quy tắc không tự ý cắm/rút phích điện của các thiết bị công nghệ.
- Hình thành thói quen sử dụng thiết bị công nghệ an toàn, có trách nhiệm.

3.2. Mức độ tích hợp: Bộ phận.

II. CHUẨN BỊ

- KHBD, máy tính, máy chiếu.
- SGK, hình ảnh minh họa, học liệu phục vụ tiết dạy.
- Video về sử dụng điện an toàn.

(Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=5-oXprBjoHM>).

- Trò chơi “Đúng hay sai?”.
- Ổ cắm điện và dây điện.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: Tạo hứng thú, gợi nhớ kiến thức cũ về đồ dùng trong nhà. * Thời gian: 5 phút * PP/KTDH: Trò chơi học tập * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi: “Đúng hay sai?” Luật chơi: Giáo viên lần lượt nêu các hành động liên quan đến việc sử dụng đồ dùng trong nhà (kèm theo hình ảnh). Học sinh lắng nghe và đồng thanh trả lời “Đúng” hoặc “Sai” để thể hiện ý kiến của mình. Khi được gọi, học sinh phải giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn. Mỗi câu trả lời đúng được khen thưởng.	- HS lắng nghe luật chơi, tham gia chơi (Ví dụ: 1. Bật tivi xong nhưng không xem, để chạy cả ngày. – Sai  2. Tắt quạt, tắt đèn khi ra khỏi phòng. - Đúng  3. Để nước chảy tràn khi rửa tay, không khóa vòi. – Sai 

- GV nhận xét phần chơi của HS và dẫn dắt vào bài: Qua trò chơi, các em đã nhận ra rằng có những việc làm đúng và cũng có những việc làm nguy hiểm khi sử dụng đồ dùng trong nhà. Nếu không cẩn thận, chúng ta có thể gặp những nguy hiểm như điện giật hoặc bị thương. Vậy làm thế nào để sử dụng các đồ dùng trong nhà một cách an toàn? Hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu trong bài: <i>An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà (tiết 2)</i>	4. Sắp xếp gọn gàng đồ dùng sau khi sử dụng. – Đúng  5. Nhờ người lớn giúp khi sử dụng đồ điện nguy hiểm. – Đúng  6. Lau chùi đồ dùng điện khi chưa rút nguồn điện. – Sai  - HS lắng nghe
--	---

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu cần đạt của bài.	- HS đọc
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Nhận diện tình huống nguy hiểm và cách xử lý * Mục tiêu: Nhận diện các tình huống gây nguy hiểm. Biết cách xử lý trong các tình huống bị thương, bị bỏng. * Thời gian: 7 phút. * PP/KTDH: Thảo luận nhóm, quan sát. * Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát video và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: + Vì sao em của Hoa bị bỏng? + Hoa đã làm gì trong tình huống đó? Theo em cách làm của Hoa có đúng không?	- Cả lớp quan sát và thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi: (Dự đoán: + Em của Hoa làm đổ phích nước nóng vào tay khiến cho tay bị bỏng. + Khi thấy tay của em bị bỏng, Hoa đã ngâm tay của em vào nước lạnh 20 phút, sau đó Hoa gọi điện cho mẹ và được mẹ hướng dẫn thấm khô tay cho em rồi dùng thuốc mỡ bôi vào chỗ bỏng. Ngoài ra, Hoa còn có thể gọi điện đến số 115 nếu vết bỏng lớn và nghiêm trọng cần đến sự can thiệp y tế có chuyên môn cao hơn.) - HS lắng nghe, HS chia sẻ (Một số tình huống dự đoán: chạm tay vào ấm nước đang nóng; đứng gần bếp khi người lớn đang nấu ăn; cho tay vào cánh quạt khi quạt đang quay; dây điện bị hở nhưng vẫn có người chạm vào. trèo lên
- GV nhận xét câu trả lời của HS, yêu cầu HS kể thêm một số tình huống nguy hiểm khác em đã trải qua hoặc chứng kiến khi sử dụng đồ dùng trong nhà.	

- GV nhắc lại lưu ý của Bibi khi cắm điện đồng thời nhấn mạnh: khi thực hiện cắm phích cắm điện các em cần phải lau tay thật khô và cầm đúng cách. - GV cho 1-2 HS thực hành cắm điện đúng cách, an toàn cho cả lớp quan sát đồng thời nhấn mạnh: khi thực hiện cắm phích cắm điện các em cần phải lau tay thật khô và cầm đúng cách. - GV nhận xét cách thực hiện của HS và kết luận: Qua hoạt động thực hành vừa rồi, các em thấy chỉ có cách sử dụng đồ dùng đúng quy tắc mới đảm bảo an toàn. Khi sử dụng thiết bị điện, cần thực hiện đúng cách như lau khô tay, cầm chắc phích cắm và đặc biệt không tự ý cắm/rút điện khi chưa có sự hướng dẫn của người lớn. Những hành động sai có thể gây nguy hiểm như điện giật hoặc bị	cắm/rút phích cắm điện khi không được người lớn cho phép; không vừa sạc, vừa chơi điện thoại; không nên sử dụng các đồ dùng điện khi tay ướt hoặc ở trong phòng tắm/ nơi ẩm ướt, tránh đổ nước, đồ uống vào các thiết bị điện; không cho tay vào dây điện đứt/ hở, khi thấy phải báo cho người lớn; tắt điện khi không sử dụng để tiết kiệm điện) - HS lắng nghe - HS thực hiện, cả lớp quan sát, nhận xét và trả lời câu hỏi - HS lắng nghe
--	--

thương, vì vậy mỗi bạn cần ghi nhớ và thực hiện đúng để bảo vệ bản thân.	
D. VẬN DỤNG *Mục tiêu: Đưa ra được các cách xử lý phù hợp cho các tình huống nguy hiểm thực tế. * Thời gian: 5 phút. * PP/KTDH: Vấn đáp, đóng vai. * Cách tiến hành:	
- GV gọi lại cho HS các tình huống mà các em vừa kể trong hoạt động 1 mà em đã gặp hoặc chứng kiến và thảo luận nhóm 4 đưa ra cách xử lý cho 1 trong các tình huống đó - Mời 2-3 nhóm lên bảng đóng vai tái hiện tình huống và cách giải quyết	- HS lựa chọn tình huống và thảo luận nhóm - HS thực hiện: (Ví dụ: 1. Chạm vào ấm nước nóng - Vai diễn: bạn định chạm, bạn khác ngăn - Lời thoại: “Cẩn thận! Đồ này nóng, dễ bị bỏng!” - Cách xử lý: Không chạm, nhờ người lớn giúp 2. Dùng dao một mình - Vai diễn: bạn cầm dao, bạn khác nhắc - Lời thoại: “Dao sắc lắm, bạn nhờ bố mẹ nhé!” - Cách xử lý: Không tự dùng, cần người lớn 3. Nước đổ gần ổ điện

- GV nhận xét và kết luận: Qua hoạt động vừa rồi, các em đã biết lựa chọn cách xử lý phù hợp trong những tình huống nguy hiểm khi sử dụng đồ dùng trong nhà. Việc thực hành giúp các em ghi nhớ rõ hơn: cần bình tĩnh, xử lý đúng cách và báo cho người lớn khi cần thiết. Mỗi bạn hãy vận dụng những điều đã học để bảo vệ bản thân và sử dụng đồ dùng, đặc biệt là thiết bị điện và công nghệ, một cách an toàn. - GV nhận xét tiết học và dặn dò	- Vai diễn: 1 bạn làm đồ nước, 1 bạn khuyên - Lời thoại: “Nguy hiểm! Mình tránh xa và gọi người lớn giúp đỡ nhé!” - Cách xử lý: Không lại gần, báo người lớn 4. Leo trèo lấy đồ trên cao - Vai diễn: 1 bạn trèo, 1 bạn nhắc - Lời thoại: “Bạn xuống đi, dễ bị ngã lắm! Gọi người lớn nhé!” - Cách xử lý: Không tự trèo) - Cả lớp lắng nghe - HS lắng nghe
---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

.....

2.3.2. Lớp 2

CHỦ ĐỀ : GIA ĐÌNH

BÀI 2: NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LỚN TRONG GIA ĐÌNH (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

1.1 Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

1.2 Năng lực đặc thù

- Nhận biết và kể được nghề nghiệp của người lớn trong gia đình.
- Mô tả được công việc chính của một số nghề quen thuộc.
- Nhận diện bước đầu một số nghề liên quan đến không gian mạng (lập trình viên, bán hàng online,...).

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành bài tập theo yêu cầu, chăm chỉ suy nghĩ trả lời các câu hỏi.
- Trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

3. Tích hợp giáo dục công dân số:

3.1. Nội dung tích hợp:

- HS nhận biết được một số nghề nghiệp liên quan tới Internet, khi sử dụng internet, các em cần biết dùng đúng mục đích và giữ an toàn cho bản thân.

3.2. Mức độ tích hợp: Bộ phận

II. CHUẨN BỊ

1. Đối với giáo viên

- KHBD, máy tính, máy chiếu.
- SGK, hình ảnh minh họa, học liệu phục vụ tiết dạy.
- Hình ảnh về một số công việc, nghề nghiệp của người dân trong cộng đồng.

2. Đối với học sinh

- ### III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

73

nghề gì? Công việc của họ ra sao? Hôm nay, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu bài: <i>Nghề nghiệp của người lớn trong gia đình.</i> - Yêu cầu HS đọc yêu cầu cần đạt của bài	- HS đọc
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1: Kể về nghề nghiệp của người thân * Mục tiêu: HS kể được công việc, nghề nghiệp của người thân và nói được ý nghĩa, lợi ích của một số công việc, nghề nghiệp đó * Thời gian: 7 phút * PP/KTDH: Trò chơi học tập * Cách tiến hành:	
- GV hỏi HS: + Ông bà, bố mẹ, anh chị,... của em làm công việc hay nghề nghiệp gì? + Công việc hay nghề nghiệp đó mang lại lợi ích gì? - GV có thể giải thích từ “lợi ích” cho HS hiểu: Đó là những sản phẩm, của cải vật chất, giá trị mà nghề nghiệp hoặc công việc tạo ra. - GV tổ chức cho HS tham gia “Lẩu băng chuyền” để chia sẻ với các bạn trong lớp (Cách thực hiện: Chia lớp thành 2 tổ, mỗi tổ xếp thành 2 hàng đứng đối diện nhau. Trong thời gian quy định, 2 bạn đứng đối diện nhau chia sẻ về nghề nghiệp của một người thân và lợi ích của nghề nghiệp đó cho nhau nghe. Khi có tiếng chuông, dừng chia sẻ và bước sang bên phải một bước	- Cả lớp suy nghĩ trả lời câu hỏi - HS lắng nghe - HS tham gia chơi

rồi tiếp tục chia sẻ với bạn ghép cặp tiếp theo. Hoạt động kéo dài khoảng 4 phút) - GV nhận xét và kết luận: Trong mỗi gia đình, người lớn có những nghề khác nhau. Dù làm nghề gì, họ đều lao động chăm chỉ để nuôi sống gia đình và góp ích cho xã hội.	- HS lắng nghe
Hoạt động 2: Tìm hiểu công việc của một số nghề *Mục tiêu: Nhận biết nghề và công việc tương ứng * Thời gian: 10 phút * PP/KTDH: Hoạt động cá nhân, thảo luận nhóm, vấn đáp * Cách tiến hành:	
- Yêu cầu HS quan sát hình và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: + Người trong tranh làm nghề/công việc gì? + Công việc đó có ích gì?  2  3	- HS quan sát hình và thảo luận nhóm trả lời câu hỏi (- Hình 2 là ngư dân đánh bắt cá. Lợi ích: Cung cấp tôm, cá, hải sản tươi ngon cho các bữa ăn hàng ngày. - Hình 3 là bộ đội hải quân. Lợi ích: Canh giữ và bảo vệ chủ quyền biển đảo thiêng liêng của Tổ quốc. Giúp ngư dân yên tâm đánh bắt cá và giữ gìn sự bình yên cho đất nước. - Hình 4 là nghề thợ may. Lợi ích: May ra những bộ quần áo đẹp, ấm áp và phù hợp với mọi người. - Hình 5 là thợ đan nón lá.



- Mời 1-2 nhóm lên bảng hỏi - đáp báo cáo kết quả

- GV nhận xét, có thể mô tả vài nét chính về công việc hoặc nghề nghiệp đó để HS có thể hoàn thiện Phiếu học tập
(Ví dụ: Ngư dân là người đánh bắt cá,

Lợi ích: Làm ra những chiếc nón lá xinh xắn để che nắng, che mưa; giữ gìn nét đẹp truyền thống của quê hương.

- Hình 6 là nông dân.

Lợi ích: Trồng ra lúa gạo, rau củ và trái cây ngọt lành cho các bữa cơm của mọi người.

- Hình 7 là người bán hàng.

Lợi ích: Đưa sản phẩm, hàng hóa đến người tiêu dùng một cách thuận tiện.

- HS thực hiện, cả lớp nhận xét

- HS lắng nghe

tôm,...trên sông, biển,...). - GV phát Phiếu học tập để HS hoàn thiện về một công việc hoặc nghề nghiệp cụ thể (cá nhân). - GV chụp và chiếu bài của 1-2 HS để nhận xét - GV nhận xét và kết luận: Mỗi nghề đều có những công việc cụ thể và mang lại lợi ích cho mọi người. Nhờ có các nghề khác nhau mà cuộc sống của chúng ta trở nên thuận tiện và tốt đẹp hơn.	- HS thực hiện làm phiếu học tập - Cả lớp quan sát, nhận xét - HS lắng nghe
Hoạt động 3: Mở rộng một số nghề trong môi trường mạng *Mục tiêu: Nhận biết nghề trong môi trường mạng Hình thành ý thức an toàn số * Thời gian: 8 phút * PP/KTDH: Quan sát, vấn đáp, thảo luận nhóm * Cách tiến hành:	
- GV cho HS xem hình: Người làm việc trên máy tính; người livestream bán hàng... và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: + Người này làm nghề gì? + Họ làm việc ở đâu? + Có cần đến internet không? LẬP TRÌNH VIÊN	- HS quan sát và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi (Dự kiến: - Những người này làm nghề: + Lập trình viên: Là những người tạo ra phần mềm, trò chơi và các ứng dụng trên điện thoại hoặc máy tính. + Chuyên viên thiết kế đồ họa số: Là người dùng máy tính để vẽ tranh, thiết kế nhân vật hoạt hình hoặc các hình ảnh quảng cáo đẹp mắt.



KỸ SƯ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI)



CHUYÊN VIÊN THIẾT KẾ ĐỒ HỌA SỐ (DIGITAL GRAPHIC DESIGNER)



NGƯỜI LÀM NỘI DUNG SỐ (VLOG/LIVESTREAM)

- Mời 1 nhóm lên bảng trả lời vấn đáp
- GV nhận xét và kết luận: Ngày nay có nhiều nghề làm việc trên máy tính và internet như lập trình viên, bán hàng online. Khi sử dụng internet, các em cần biết dùng đúng mục đích và giữ an toàn cho bản thân.”

+ Người làm nội dung số (Vlog/Livestream): Là những người quay video hoặc nói chuyện trực tiếp để chia sẻ kiến thức và giới thiệu sản phẩm đến mọi người.

+ Kỹ sư trí tuệ nhân tạo (AI): Là người dạy cho robot và máy tính cách suy nghĩ thông minh để giúp đỡ con người.

- Họ làm việc ở văn phòng hiện đại, phòng thu, tại nhà hoặc bất cứ đâu

- Họ rất cần đến internet vì hầu hết các công việc này đều bắt buộc phải có internet để hoạt động.

- HS thực hiện, cả lớp nhận xét

- HS lắng nghe

C. VẬN DỤNG

***Mục tiêu:** Nói được về nghề mà em yêu thích

*** Thời gian:** 5 phút

*** PP/KTDH:** Vấn đáp, trò chơi học tập

*** Cách tiến hành:**

- GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: + Em thích nghề nào? Vì sao? + Em có muốn làm việc trên máy tính không? + Khi dùng internet em cần làm gì?	- HS trả lời câu hỏi
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “Phóng viên nhí” để báo cáo kết quả Luật chơi: Một bạn trong lớp được cử làm phóng viên đi phỏng vấn các bạn trong lớp về các câu hỏi cô vừa đưa ra trong thời gian 3 phút.	- HS tham gia
- GV nhận xét và kết luận: Mỗi nghề đều có nhiệm vụ riêng và đều đáng được trân trọng. Các em hãy cố gắng học tập tốt để sau này có thể làm nghề mình yêu thích và có ích cho xã hội. Khi sử dụng internet, hãy luôn an toàn và có trách nhiệm.” - GV nhận xét tiết học	- Cả lớp lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ : CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BÀI 11: HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HÓA (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

1.1 Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

1.2 Năng lực đặc thù

- Nhận biết được một số hình thức mua bán hàng hóa (trực tiếp, trực tuyến).
- Nêu được cách mua bán hàng hóa đơn giản, phù hợp với lứa tuổi.
- Biết sơ lược về mua sắm trực tuyến.

2. Phẩm chất

- Trung thực, có trách nhiệm khi mua bán.
- Tiết kiệm, biết lựa chọn phù hợp.

3. Tích hợp giáo dục công dân số:

3.1. Nội dung tích hợp:

- Hiểu biết sơ lược về mua sắm trực tuyến
- Hình thành ý thức công dân số an toàn: không được tự ý mua hàng online, nên nhờ cha mẹ giúp đỡ mua đồ online; không chia sẻ thông tin cá nhân

3.2. Mức độ tích hợp: toàn bộ

II. CHUẨN BỊ

- Máy tính, máy chiếu.
- SGK, hình ảnh minh họa, học liệu phục vụ tiết dạy.
- Trò chơi “Đi chợ mua sắm”, phiếu học tập.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG	
* Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS khi bước vào bài mới.	
* Thời gian: 5 phút	
* PP/KTDH: Trò chơi học tập	
* Cách tiến hành:	

- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Đi chợ mua sắm”:

Luật chơi: Lớp được chia thành 2 đội chơi, mỗi đội được chia 1 phần bảng. Trên từng phần bảng ghi: Hàng thực phẩm, Đồ dùng học tập. Mỗi đội được chia một giỏ thẻ hàng hóa. Các đội lần lượt lên gắn các thẻ hàng hóa vào phần bảng của mình cho phù hợp. Sau 2 phút, đội nào gắn được nhiều đáp án chính xác hơn và nhanh hơn, đội đó chiến thắng.

- GV nhận xét phần chơi của HS và dẫn dắt vào bài: Qua trò chơi, các em đã biết cách phân loại một số hàng hóa như thực phẩm và đồ dùng học tập. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thường xuyên tham gia vào việc mua bán những hàng hóa này để phục vụ nhu cầu sinh hoạt và học tập. Vậy hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra như thế nào? Có những cách mua bán nào và khi mua hàng chúng ta cần lưu ý điều gì? Hôm nay, cô và các em sẽ cùng tìm hiểu bài 11: *Hoạt động mua bán hàng hóa. (tiết 2)*

- Yêu cầu HS đọc yêu cầu cần đạt của bài

- HS tham gia chơi



- HS lắng nghe

- HS đọc

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Các hình thức mua bán hàng hóa

* **Mục tiêu:** Nhận biết một số hình thức mua bán trực tiếp và trực tuyến.

* **Thời gian:** 12 phút.

* **PP/KTDH:** Thảo luận nhóm, quan sát.

* **Cách tiến hành:**

- GV cho HS quan sát video yêu cầu HS làm việc nhóm 4, dựa vào nội dung video và các hình trong SGK trang 44,45 hoàn thiện phiếu học tập:

- + Hoạt động mua bán thường diễn ra ở đâu?
- + Nêu những điểm khác nhau trong cách trưng bày, mua, bán hàng hóa ở những nơi đó.



- HS quan sát và hoàn thiện phiếu học tập

(Dự kiến:

+ Hoạt động mua bán thường diễn ra ở siêu thị, chợ, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại hoặc chợ nổi.

+ Những điểm khác nhau trong cách trưng bày, mua, bán hàng hóa ở những nơi này là:

Siêu thị (Hình 1): Hàng hóa để trên các giá, kệ, chia theo từng khu vực riêng (Gia dụng, Thời trang...). Người mua tự chọn đồ vào giỏ/xe đẩy rồi ra quầy thanh toán cho thu ngân.

Chợ trung tâm (Hình 2): Hàng hóa thường bày trên sạp, trong thau chậu hoặc rổ rá sát mặt đất. Người mua và người bán nói chuyện trực tiếp, có thể hỏi giá và mặc cả.

Cửa hàng (Hình 3): Hàng hóa thường chuyên biệt (ví dụ: chỉ bán bánh), bày trong tủ kính sạch sẽ. Người mua hỏi món mình cần, người bán lấy hàng và đưa tận tay.

Chợ nổi (Hình 4): Hàng hóa (chủ yếu là nông sản) để ngay

Hình thành ý thức tiết kiệm và bảo mật thông tin cá nhân. * Thời gian: 15 phút. * PP/KTDH: Thảo luận nhóm, vấn đáp, giải quyết vấn đề. * Cách tiến hành:	
- GV hỏi: Em đã từng cùng bố mẹ mua hàng theo cách nào trong hoạt động 1? - GV nhận xét và giới thiệu: Ngày nay, nhờ công nghệ mọi người không chỉ có thể mua hàng ở ngoài các cửa hàng, chợ mà có thể mua hàng trên các trang thương mại điện tử với lựa chọn đa dạng hơn mà không cần phải ra khỏi nhà. - GV đưa ra 2 tình huống yêu cầu HS thảo luận nhóm 4: + Tình huống 1: Lan thấy trên mạng có bán rất nhiều đồ chơi đẹp nên muốn tự đặt mua dù chưa hỏi bố mẹ. Việc làm của bạn đúng hay sai? Vì sao? + Tình huống 2: Khi đang chơi điện thoại, một người lạ gọi đến hỏi em địa chỉ nhà và số điện thoại để giao hàng. Nếu là em, em sẽ làm gì? + Tình huống 3: Mai đi mua bút chì và thấy một hộp bút rất đẹp nhưng nếu mua hộp bút thì Mai không còn đủ tiền để mua bút chì. Nếu em là Mai, em sẽ làm gì?	- HS trả lời - HS lắng nghe - HS thảo luận nhóm giải quyết tình huống (Gợi ý giải quyết tình huống: + Tình huống 1: Lan làm như vậy là chưa đúng vì bạn còn nhỏ, không nên tự ý đặt hàng trên mạng khi chưa có sự đồng ý của bố mẹ. Khi mua hàng trực tuyến cần có người lớn hướng dẫn để đảm bảo an toàn. + Tình huống 2: Nếu là em, em sẽ không cung cấp địa chỉ nhà hoặc số điện thoại cho người lạ. Em sẽ báo ngay cho bố mẹ hoặc người lớn biết để được giúp đỡ. + Tình huống 3: Nếu là Mai, em sẽ chọn mua bút chì vì đó là đồ dùng cần thiết cho việc học. Em

- Mời đại diện 3 nhóm lên bảng báo cáo kết quả và tự tổ chức cho các bạn nhận xét - GV nhận xét và hỏi (cá nhân): Qua 3 tình huống vừa rồi, theo em: + Vì sao cần lựa chọn hàng hóa trước khi mua? + Khi mua hàng, em nên chọn như thế nào? + Khi mua hàng trên mạng cần lưu ý điều gì? - GV nhận xét và kết luận: Có thể mua hàng trực tiếp hoặc mua hàng trực tuyến qua Internet. Và khi mua hàng, cần lựa chọn những đồ dùng thật sự cần thiết, phù hợp với	không nên mua hộp bút chỉ vì đẹp mà quên mua đồ dùng mình cần. - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, cả lớp nhận xét - HS trả lời: (Dự kiến: + Cần lựa chọn hàng hóa trước khi mua vì: để mua đúng đồ dùng mình cần; để chọn hàng có chất lượng tốt, giá phù hợp; tránh mua quá nhiều hoặc mua đồ không cần thiết gây lãng phí tiền bạc... + Khi mua hàng, em nên: chọn đồ dùng phù hợp với nhu cầu; chọn hàng còn tốt, sạch sẽ, an toàn; ưu tiên những đồ dùng cần thiết trước... + Khi mua hàng trên mạng cần lưu ý: cần có sự đồng ý và hướng dẫn của cha mẹ/người lớn; không tự ý đặt hàng trên mạng; không cung cấp thông tin cá nhân như địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu cho người lạ; chỉ xem và tìm hiểu ở những trang đáng tin cậy...) - HS lắng nghe
--	--

nhu cầu, giá cả và chất lượng để tránh lãng phí. Đặc biệt khi mua hàng trên mạng: cần có sự đồng ý và hướng dẫn của cha mẹ/người lớn; không tự ý đặt hàng; không chia sẻ thông tin cá nhân như địa chỉ nhà, số điện thoại, mật khẩu... cho người lạ; chỉ tìm hiểu thông tin từ nguồn đáng tin cậy...Tuy nhiên ở độ tuổi của các em chúng ta nên nhờ bố mẹ, người lớn mua đồ giúp thay vì tự mua.	
C. Củng cố, dặn dò <i>*Mục tiêu:</i> Ghi nhớ lại các kiến thức vừa học <i>* Thời gian:</i> 3 phút <i>* PP/KTDH:</i> Vấn đáp <i>* Cách tiến hành:</i>	
- GV đặt câu hỏi: Hôm nay các em đã học được kiến thức gì? - GV nhấn mạnh lại kiến thức đã học và nhận xét tiết học	- HS trả lời - HS lắng nghe

IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

.....

2.3.3. Lớp 3

CHỦ ĐỀ : GIA ĐÌNH

BÀI 2: PHÒNG TRÁNH HỎA HOẠN KHI Ở NHÀ (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

1.1 Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

1.2 Năng lực đặc thù

- Nhận diện được một số nguyên nhân gây cháy trong gia đình và những thiệt hại có thể xảy ra (về người, tài sản...) do hỏa hoạn.
- Phát hiện được một số vật dễ gây cháy và giải thích được vì sao không được đặt chúng ở gần lửa.
- Nêu được các cách ứng xử khi có hỏa hoạn xảy ra, các biện pháp phòng tránh hỏa hoạn cơ bản.

2. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Hoàn thành bài tập theo yêu cầu, chăm chỉ suy nghĩ trả lời các câu hỏi.
- Trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

3. Tích hợp giáo dục công dân số

3.1. Nội dung tích hợp

- Nhận diện nguy cơ cháy nổ từ thiết bị công nghệ (sạc điện thoại qua đêm, dùng máy tính khi đang sạc...).
- Nêu được quy tắc an toàn điện khi sử dụng thiết bị số.
- Hình thành thói quen sử dụng thiết bị công nghệ an toàn, có trách nhiệm.

3.2. Mức độ tích hợp: Bộ phận.

II. CHUẨN BỊ

- Máy tính, máy chiếu.
- SGK, hình ảnh minh họa, học liệu phục vụ tiết dạy.
- Video về phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà.

(Link video: https://www.youtube.com/watch?v=cb5My_osYn8)

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG * Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS khi bước vào bài mới. * Thời gian: 5 phút. * PP/KTDH: Trò chơi học tập. * Cách tiến hành:	
- GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “Nguy hiểm hay an toàn”: Luật chơi: Giáo viên lần lượt đưa ra các tình huống liên quan đến việc sử dụng đồ dùng và thiết bị điện trong gia đình. Học sinh lắng nghe và nhanh chóng xác định đó là hành động “Nguy hiểm” hay “An toàn” bằng cách đồng thanh hô. Khi được gọi, học sinh phải giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn. Mỗi câu trả lời đúng được tính điểm hoặc khen thưởng. - GV nhận xét phần chơi của HS và dẫn dắt vào bài: Qua trò chơi, ta thấy rằng có những việc làm tưởng như bình thường nhưng lại tiềm ẩn nguy cơ gây cháy nổ, đặc biệt khi sử dụng các thiết bị điện và thiết bị công nghệ trong gia đình. Nếu không cẩn thận, những hành động này có thể dẫn đến hậu quả rất nghiêm trọng. Vậy những nguyên nhân nào gây ra hỏa hoạn và chúng ta cần làm gì để phòng tránh? Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu bài: <i>Phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà (tiết 1)</i>	- HS lắng nghe luật chơi, tham gia chơi (Ví dụ: + Sạc điện thoại qua đêm – NGUY HIỂM + Để giấy gần bếp – NGUY HIỂM + Tắt thiết bị điện khi không dùng- AN TOÀN + ...) - HS lắng nghe
- Yêu cầu HS đọc yêu cầu cần đạt của bài	- HS đọc

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Nhận diện nguyên nhân và hậu quả cháy

* **Mục tiêu:** Nhận biết nguyên nhân gây cháy trong gia đình.

Hiểu được hậu quả của hỏa hoạn (người, tài sản).

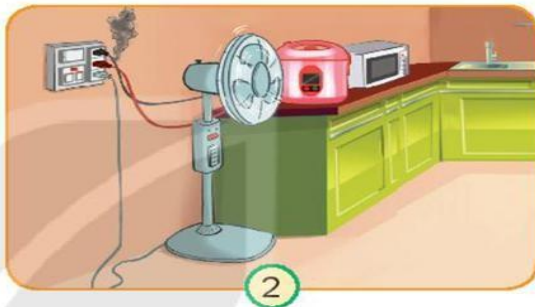
* **Thời gian:** 7 phút.

* **PP/KTDH:** Thảo luận nhóm, quan sát.

* **Cách tiến hành:**

- GV cho HS quan sát tranh và thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi:

- + Điều gì xảy ra trong mỗi hình?
- + Những nguyên nhân nào dẫn đến cháy nhà?



- Cả lớp quan sát và trả lời câu hỏi

(Dự kiến:

+ Hình 1: Một người đang đốt rác gần đồng rom, rạ → Có thể dẫn tới cháy lan to sang đồng rom.

+ Hình 2: Ổ điện chập và bốc khói đen do sử dụng nhiều thiết bị cùng một lúc → Gây cháy các thiết bị điện và cháy nhà.

+ Hình 3: Bạn nhỏ vừa sử dụng vừa sạc điện thoại ở trên giường → Có thể gây chập điện, cháy nổ điện thoại và lan sang cháy chăn ga trên giường và cháy nhà.

+ Hình 4: Để các thứ dễ cháy (xăng, thùng sơn) gần bếp lửa; bạn nhỏ tự ý nghịch lửa, đốt giấy → Lửa có thể bắn sang thùng xăng, sơn gây cháy nổ mạnh;



- GV nhận xét câu trả lời của HS và đưa ra đáp án cho từng hình

- Yêu cầu HS nêu thêm một số tình huống khác dẫn đến cháy nhà

- GV hỏi: Nếu xảy ra cháy sẽ gây hậu quả gì (về người, tài sản..)?

bạn nhỏ có thể bị bỏng do tự ý nghịch lửa.)

- HS lắng nghe

- HS nêu

(Ví dụ: Quên tắt bếp gas hoặc bếp điện sau khi nấu ăn; Dây điện bị hở, chập điện nhưng không được sửa chữa kịp thời; Thắp nến, đốt vàng mã nhưng không trông coi cẩn thận; Đốt vàng mã gần xe máy, xe điện;)

- HS trả lời

(Dự đoán: Nếu xảy ra cháy sẽ gây hậu quả:

+ Con người có thể bị bỏng, ngạt khói hoặc bị thương.

+ Khói và lửa có thể lan sang nhà bên cạnh gây nguy hiểm cho nhiều người.

+ Có thể gây nguy hiểm đến tính mạng của người trong nhà.

+ Mọi người hoảng sợ, ảnh hưởng đến cuộc sống sinh hoạt hằng ngày.

+ Nhà cửa, đồ dùng, quần áo, sách vở... bị cháy và hư hỏng.

- GV nhận xét và kết luận: Các em thấy đó, cháy nhà có thể xảy ra do nhiều nguyên nhân khác nhau như bất cẩn khi sử dụng bếp, điện hoặc các thiết bị công nghệ, cũng như việc để các vật dễ cháy gần nguồn lửa. Hỏa hoạn có thể gây hậu quả rất nghiêm trọng như làm bị thương hoặc nguy hiểm đến tính mạng con người, thiệt hại lớn về tài sản. Vì vậy, mỗi chúng ta cần nâng cao ý thức phòng tránh, sử dụng đồ dùng và thiết bị điện, thiết bị công nghệ đúng cách để đảm bảo an toàn cho bản thân và gia đình.	+ Tiền bạc và nhiều tài sản khác có thể bị mất. + Gia đình phải mất nhiều thời gian và tiền bạc để sửa chữa, mua lại đồ dùng.) - HS lắng nghe
Hoạt động 2: Nhận diện vật dễ cháy và nguy cơ từ thiết bị công nghệ *Mục tiêu: Xác định vật dễ cháy và giải thích lí do. Nhận diện nguy cơ cháy từ thiết bị số. * Thời gian: 10 phút. * PP/KTDH: Thảo luận nhóm, quan sát, vấn đáp. * Cách tiến hành:	
- Yêu cầu HS quan sát hình: giấy, rèm cửa, quần áo, bình hoa bằng sứ, cửa kính, xăng, giá để đồ bằng sắt, sạc điện thoại, máy tính... và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: + Những vật nào dễ cháy? Vì sao?	- HS quan sát hình và thảo luận nhóm trả lời câu hỏi (Dự đoán: + Những vật dễ cháy: giấy, rèm cửa, quần áo, xăng, sạc điện thoại, máy tính

Hoạt động 3: Xử lý tình huống khi có cháy xảy ra *Mục tiêu: Nêu được cách ứng xử khi có nguy cơ cháy. * Thời gian: 8 phút. * PP/KTDH: Quan sát, vấn đáp, thảo luận nhóm. * Cách tiến hành:	
- GV cho HS quan sát video phòng tránh hỏa hoạn khi ở nhà - GV yêu cầu HS nêu cách xử lý của các bạn nhỏ trong video	- HS quan sát - HS trả lời câu hỏi (Dự kiến: Cách xử lý: + Báo với người lớn khi nghe thấy chuông báo cháy hoặc khi thấy mùi khét/ khói đen... + Dùng khăn ướt bịt lên mũi và chạy ra khỏi nhà + Cúi thấp người xuống, không sử dụng thang máy khi thoát hiểm + Gọi 114 để tìm sự trợ giúp) - HS lắng nghe
- GV nhận xét và kết luận: Khi xảy ra cháy, việc xử lý nhanh chóng và đúng cách là rất quan trọng để bảo vệ bản thân và hạn chế thiệt hại. Vì vậy, các em cần ghi nhớ và thực hiện theo các bước sau: + Bình tĩnh, báo ngay cho người lớn giúp đỡ và gọi tới số 114. + Tìm cách thoát ra nơi an toàn theo lối thoát hiểm, không quay lại lấy đồ. + Cúi thấp người, che mũi miệng bằng khăn ướt khi có nhiều khói.	

dụng dễ cháy trong nhà và cách xử lí khi có cháy xảy ra.	
--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

CHỦ ĐỀ: CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BÀI 11: DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Năng lực

1.1. Năng lực chung

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế.

1.2. Năng lực đặc thù

- Nhận biết, nêu được tên một số di tích lịch sử – văn hóa và cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của Việt Nam.
- Giới thiệu được bằng lời với các bạn một di tích lịch sử hoặc cảnh quan thiên nhiên.

2. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu bài, chia sẻ các thông tin chính xác về các địa danh.
- Yêu nước: Yêu quê hương, có ý thức giữ gìn di sản và cảnh quan.

3. Tích hợp giáo dục công dân số:

3.1. Nội dung tích hợp:

- Sử dụng thiết bị số (màn hình, video, tour ảo) để học tập.

địa danh nổi tiếng, gắn với lịch sử, văn hóa và vẻ đẹp thiên nhiên đặc sắc. Mỗi nơi đều mang những giá trị riêng cần được tìm hiểu và trân trọng. Vậy những địa danh đó được gọi là gì và chúng có đặc điểm như thế nào? Hôm nay, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài 11: Di tích lịch sử – văn hóa và cảnh quan thiên nhiên (tiết 1). - Yêu cầu HS đọc yêu cầu cần đạt của bài	- HS đọc
B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động tham quan địa danh qua tour ảo * Mục tiêu: HS được quan sát, chia sẻ và lắng nghe về thông tin của các địa danh. Biết khai thác các thông tin từ thiết bị số. * Thời gian: 25 phút. * PP/KTDH: Thảo luận nhóm, quan sát, thuyết trình, trò chơi học tập. * Cách tiến hành:	
- GV giới thiệu cho HS quan sát một địa danh trên màn hình ảo - Chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu HS thảo luận nhóm thu thập thông tin đã tìm hiểu ở nhà để chia sẻ với cả lớp về 1 địa danh: Vịnh Hạ Long, Bảo tàng Quân sự Việt Nam, Văn Miếu Quốc Tử Giám - Mời đại diện 3 nhóm lên đóng vai thành hướng dẫn viên nhí chia sẻ cho cả lớp lắng nghe về địa điểm mà nhóm mình tìm hiểu thông qua ứng dụng thực tế ảo (có thời gian 2 phút cho mỗi nhóm thông nhất thông tin với phần hình ảnh thực tế ảo) - GV nhận xét và kết luận: Qua hoạt động tham quan địa danh bằng ứng dụng thực tế ảo và phần trình bày của các “hướng dẫn viên nhí”, các em đã hiểu rõ hơn về những địa danh tiêu biểu như Vịnh Hạ Long, Bảo tàng Quân sự Việt Nam và Quốc Tử Giám. Mỗi địa danh đều mang	- HS lắng nghe, quan sát - HS thảo luận, tìm hiểu về trang thực tế ảo trên Internet và lựa chọn nội dung thuyết trình phù hợp - HS tham gia hoạt động (Ví dụ: 1 HS làm người thuyết trình/ hướng dẫn viên, 1 HS trình chiếu hình ảnh thực tế ảo để cả lớp cùng quan sát) - HS lắng nghe

giá trị đặc sắc về lịch sử, văn hóa hoặc thiên nhiên và cần được trân trọng, bảo vệ. Đồng thời, các em cũng biết rằng công nghệ số và thực tế ảo giúp chúng ta khám phá thế giới một cách sinh động ngay tại lớp học. Khi sử dụng các thiết bị và chia sẻ thông tin về những địa danh này, các em cần tìm hiểu từ nguồn đáng tin cậy, trình bày đúng sự thật và thể hiện thái độ văn minh, tôn trọng trên môi trường số.	
C. VẬN DỤNG *Mục tiêu: Kể được tên một số di tích lịch sử- văn hóa hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương; Nêu được một số thông tin về địa danh địa phương. * Thời gian: 5 phút. * PP/KTDH: Vấn đáp. * Cách tiến hành:	
- GV yêu cầu HS kể tên một số di tích lịch sử- văn hóa hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương và nêu được một số thông tin em biết về nó. - GV nhận xét, yêu cầu HS đọc mục “em có biết”. - GV nhận xét và kết luận: Các em đã kể được một số di tích và cảnh quan ở địa phương và hiểu thêm giá trị của chúng. Vì vậy, chúng ta cần biết trân trọng, giữ gìn và chia sẻ thông tin đúng, đẹp về những địa danh này. - GV nhận xét tiết học	- HS trả lời câu hỏi - HS lắng nghe, 1 HS đọc - HS lắng nghe - Cả lớp lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

2.4. Đánh giá hiệu quả kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học

2.4.1. Mục đích đánh giá

Bước đầu đánh giá mức phù hợp, tính khả thi và hiệu quả của kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội.

2.4.2. Nội dung và tiêu chí đánh giá

Việc đánh giá kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội tập trung vào các nội dung sau:

1. Nội dung khoa học chính xác, phù hợp chương trình (Tiêu chí 1 - TC1)
 2. Thông tin trình bày rõ ràng, dễ hiểu với học sinh lớp 1,2,3 (Tiêu chí 2 - TC2)
 3. Thiết kế hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học (Tiêu chí 3 - TC3).
 4. Đảm bảo thời lượng tiết học (Tiêu chí 4 - TC4).
 5. Gợi mở được tư duy và kích thích sự tò mò tìm hiểu của học sinh (Tiêu chí 5 - TC5).
 6. Tạo cảm hứng và niềm vui học tập cho học sinh (Tiêu chí 6 - TC6).
- Thang đánh giá: Các tiêu chí trên được đánh giá theo thang điểm 4

Mức đánh giá	Điểm
Chưa đạt	1
Đạt	2
Tốt	3
Rất tốt	4

2.4.3. Cách xử lý kết quả đánh giá

- Kết quả đánh giá được xử lý bằng cách tính điểm trung bình của từng tiêu chí và điểm trung bình càng cao cho thấy kế hoạch bài dạy càng được đánh giá cao về mức độ phù hợp, tính khả thi và hiệu quả.

- Các tiêu chí được đánh giá theo thang điểm 4, giá trị nhỏ nhất là 1, giá trị lớn nhất là 4 nên khoảng giá trị của thang đo được xác định theo cách sau:

$$(\text{Giá trị lớn nhất} - \text{Giá trị nhỏ nhất}) / \text{Số mức đánh giá} = (4 - 1) = 0,75$$

- Từ đó, đề tài quy ước mức đánh giá chung như sau:
- + Điểm TBC từ 1,0 - 1,75 tương ứng với mức độ đánh giá: Không khả thi/Phù hợp kém.
- + Điểm TBC từ 1,76 - 2,50 tương ứng với mức độ đánh giá: Ít khả thi/Bình thường.
- + Điểm TBC từ 2,51 - 3,25 tương ứng với mức độ đánh giá: Khả thi/Phù hợp.
- + Điểm TBC từ 3,26 - 4,0 tương ứng với mức độ đánh giá: Rất khả thi/ Rất phù hợp.

2.4.4. Kết quả đánh giá

Để đánh giá hiệu quả kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, chúng tôi đã thiết kế phiếu điều tra (Phụ lục 3) và gửi đi 35 phiếu cho các cán bộ, giáo viên tiểu học và thu về 30 phiếu được thể hiện tại bảng 2.2. Đa số ý kiến đều đánh giá tích cực đối với hệ thống kế hoạch bài dạy đã xây dựng, như sau:

Bảng 2.2. Kết quả đánh giá hiệu quả kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội

Tiêu chí đánh giá	Mức độ phù hợp/khả thi				Điểm trung bình cộng tiêu chí	Mức độ
	Rất tốt	Tốt	Đạt	Chưa đạt		
TC1	25	5	0	0	3,83	Rất khả thi/Rất phù hợp
TC2	24	4	2	0	3,73	Rất khả thi/Rất phù hợp
TC3	26	3	1	0	3,83	Rất khả thi/Rất phù hợp
TC4	19	8	3	0	3,47	Rất khả thi/Rất phù hợp

TC5	27	3	0	0	3,9	Rất khả thi/Rất phù hợp
TC6	26	4	0	0	3,87	Rất khả thi/Rất phù hợp

Kết quả khảo sát ở Bảng 2.2 cho thấy các kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội được giáo viên đánh giá khá cao ở tất cả các tiêu chí. Phần lớn ý kiến tập trung ở mức “Rất tốt” và “Tốt” cho thấy các kế hoạch bài dạy có tính phù hợp và khả thi trong thực tế giảng dạy.

Ở tiêu chí “Nội dung khoa học chính xác, phù hợp chương trình” (TC1), có 25/30 giáo viên đánh giá mức “Rất tốt” và 5/30 giáo viên đánh giá mức “Tốt”, đạt điểm trung bình 3,83. Điều này phản ánh nội dung bài dạy được xây dựng bám sát chương trình môn học, đồng thời, đảm bảo tính khoa học và phù hợp với mục tiêu giáo dục công dân số cho học sinh tiểu học.

Đối với tiêu chí “Thông tin trình bày rõ ràng, dễ hiểu với học sinh lớp 1, 2, 3” (TC2), đa số giáo viên đánh giá tích cực với 24 ý kiến ở mức “Rất tốt”, 4 ý kiến ở mức “Tốt” và 2 ý kiến ở mức “Đạt”, điểm trung bình đạt 3,73. Kết quả này cho thấy cách trình bày nội dung, hình ảnh và hoạt động học tập đã tương đối phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh nhỏ tuổi.

Tiêu chí “Thiết kế hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học” (TC3) đạt điểm trung bình 3,83 với 26/30 giáo viên đánh giá mức “Rất tốt”. Điều này chứng tỏ các kế hoạch bài dạy có cấu trúc rõ ràng, thuận tiện cho giáo viên trong việc tổ chức các hoạt động dạy học và triển khai nội dung tích hợp trên lớp.

Ở tiêu chí “Đảm bảo thời lượng tiết học” (TC4) có 19 giáo viên đánh giá mức “Rất tốt”, 8 giáo viên đánh giá mức “Tốt” và 3 giáo viên đánh giá mức “Đạt”, điểm trung bình đạt 3,47. Đây là tiêu chí có điểm trung bình thấp nhất trong các tiêu chí khảo sát, cho thấy một số hoạt động tích hợp vẫn cần được điều chỉnh linh hoạt hơn để phù hợp với quỹ thời gian thực tế của tiết học.

Tiêu chí “Gợi mở được tư duy và kích thích sự tò mò tìm hiểu của học sinh” (TC5) đạt kết quả cao nhất với điểm trung bình 3,9; trong đó có 27/30 giáo viên đánh giá mức “Rất tốt”. Điều này cho thấy các hoạt động học tập được thiết

kế có khả năng khơi gợi hứng thú khám phá, phát huy tính tích cực và tư duy của học sinh.

Bên cạnh đó, tiêu chí “Tạo cảm hứng và niềm vui học tập cho học sinh” (TC6) cũng được đánh giá rất cao với điểm trung bình 3,87; có 26/30 giáo viên lựa chọn mức “Rất tốt” và 4/30 giáo viên lựa chọn mức “Tốt”. Kết quả này phản ánh các kế hoạch bài dạy không chỉ mang tính giáo dục mà còn tạo được không khí học tập sinh động, tích cực và phù hợp với học sinh tiểu học.

Từ kết quả khảo sát trên cho thấy các kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số được xây dựng tương đối hiệu quả, đáp ứng tốt yêu cầu về nội dung, phương pháp và khả năng triển khai trong thực tiễn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học. Các kế hoạch bài dạy được đánh giá cao về nội dung, hình thức tổ chức cũng như khả năng phát huy tính tích cực của học sinh. Đồng thời, việc ứng dụng các hoạt động học tập gắn với môi trường số đã góp phần hình thành cho học sinh những thói quen sử dụng công nghệ an toàn, có trách nhiệm và phù hợp với lứa tuổi. Tuy nhiên, để nâng cao hiệu quả hơn nữa, giáo viên cần tiếp tục điều chỉnh thời lượng và tăng cường các hoạt động thực hành, trải nghiệm thực tiễn trong quá trình tổ chức dạy học.

Kết luận chương 2

Từ kết quả nghiên cứu và đề xuất trong Chương 2, có thể rút ra một số kết luận về việc tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học như sau:

- Để việc tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số đạt hiệu quả, giáo viên cần đảm bảo các nguyên tắc như phù hợp với mục tiêu chương trình, đặc điểm nhận thức của học sinh, gắn với thực tiễn môi trường số và đảm bảo tính linh hoạt, khả thi trong tổ chức dạy học.

- Dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số được thực hiện thông qua quy trình gồm các bước:

- + Bước 1: Xác định mục tiêu/ Yêu cầu cần đạt của bài học
- + Bước 2: Lựa chọn nội dung giáo dục kỹ năng công dân số
- + Bước 3: Xác định hình thức và mức độ tích hợp
- + Bước 4: Xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp
- + Bước 5: Tổ chức dạy thử và điều chỉnh

Quy trình này giúp giáo viên chủ động và có định hướng rõ ràng trong việc thiết kế và tổ chức bài học.

- Các hoạt động dạy học cần được thiết kế đa dạng, gắn với tình huống thực tiễn để giúp học sinh vừa lĩnh hội kiến thức môn học vừa hình thành và phát triển các kỹ năng công dân số cần thiết.

- Kết quả khảo sát đánh giá kế hoạch bài dạy cho thấy các kế hoạch được xây dựng có tính phù hợp, khả thi và được giáo viên đánh giá tích cực. Việc tích hợp không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả dạy học mà còn giúp học sinh hình thành ý thức sử dụng công nghệ an toàn, có trách nhiệm và phát triển các năng lực cần thiết trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay.

KẾT LUẬN - KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trong bối cảnh chuyển đổi số, việc tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số vào môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành cho học sinh những năng lực cần thiết để tham gia môi trường số an toàn và hiệu quả.

Thông qua nghiên cứu lí luận và khảo sát thực tiễn tại một số trường tiểu học ở Ninh Bình, đề tài đã làm rõ thực trạng dạy học tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số, đồng thời chỉ ra những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất quy trình thiết kế và xây dựng một số kế hoạch bài dạy tích hợp phù hợp với đặc điểm học sinh tiểu học.

Kết quả đánh giá cho thấy các kế hoạch bài dạy có tính khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học và hỗ trợ giáo viên thực hiện giáo dục công dân số theo định hướng phát triển năng lực, đáp ứng yêu cầu của thời đại số.

2. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, để nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học nói chung và môn Tự nhiên và Xã hội nói riêng, chúng tôi đề xuất kiến nghị đối với các nghiên cứu tiếp theo như sau: Do điều kiện thời gian và phạm vi nghiên cứu còn hạn chế, đề tài mới chỉ thiết kế một số kế hoạch bài dạy cho một số nội dung trong môn Tự nhiên và Xã hội. Cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và hoàn thiện thêm các kế hoạch bài dạy cũng như mở rộng phạm vi tích hợp đối với các chủ đề và môn học khác ở tiểu học nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh, hỗ trợ học sinh phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời đại số hiện nay.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1/ Tiếng Việt

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình tổng thể Giáo dục phổ thông 2018*, Ban hành kèm theo thông tư Số 32/2018/TT - BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Tự nhiên và Xã hội*, Ban hành kèm theo thông tư Số 32/2018/TT - BGDDT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025), *Thông tư quy định khung năng lực số cho người học*, thông tư Số 02/2025/TT-BGDDT ngày 24/01/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Tài liệu tập huấn (2015), *Dạy học tích hợp ở trường tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2024), *Về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học*, Công văn số 3899/ BGDDT-GDTH ngày 30/07/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
6. Nguyễn Văn Biên (2015), “*Quy trình xây dựng chủ đề tích hợp về khoa học tự nhiên*”, Tạp chí khoa học, Đại học sư phạm Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam, Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), *Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI (Nghị quyết số 29-NQ/TW) về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo*.
8. Trần Bá Hoàn, “*Dạy học tích hợp*”, Khoa Học Giáo Dục số 12, tháng 9 - 2006.
9. Bùi Hiền, Nguyễn Ngọc Giao, Nguyễn Hữu Hình, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển Giáo dục học*, Nxb Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
10. Hội nghị phối hợp chương trình của UNESCO (1972), “*Dạy học tích hợp ở các nước châu Á và Thái Bình Dương*”, Viện khoa học Giáo dục Việt Nam.
11. Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh (2020), *Sách giáo khoa và sách giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội 1 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

12. Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thần (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh (2021), *Sách giáo khoa và sách giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội 2 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

13. Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Thần (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy (2022), *Sách giáo khoa và sách giáo viên môn Tự nhiên và Xã hội 3 (bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống)*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

14. Thủ tướng Chính phủ (2022), *Phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”*, Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

15. Đỗ Hương Trà (2016), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh*, Quyển 1, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.

16. Lê Thị Mỹ Trà, “*Định hướng dạy học tích hợp ở cấp tiểu học*”, Tạp chí Khoa học số 29 (12-2017), Trường Đại học Đồng Tháp.

17. Đỗ Ngọc Thống (2016), “*Tích hợp trong chương trình phổ thông mới*”, Khoa học Giáo dục, số 125, tháng 2/2016.

18. Trần Thị Thanh Thủy (chủ biên), Nguyễn Công Khanh, Nguyễn Văn Ninh, Nguyễn Mạnh Hưởng, Bùi Xuân Anh, Lưu Thị Thu Hà (2016), *Dạy học tích hợp phát triển năng lực học sinh - Quyển 2*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

19. Quốc hội (2025), *Luật chuyển đổi số 2025, số 148/2025/QH15*, ban hành ngày 11 tháng 12 năm 2025, Hà Nội.

2/ Tiếng Anh

20. Xavier Roegiers (1996), *Khoa sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực tích hợp ở nhà trường* (Đào Trọng Quang và Nguyễn Ngọc Nhị dịch), Nxb Giáo dục, Hà Nội.

3/ Website

21. <https://congdansotieuhoc.edu.vn/wp-content/uploads/2024/04/Tai-lieu-Giao-duc-Ki-nang-Cong-dan-so-17.04.24-Final.pdf>, ngày truy cập 02/10/2025

22. https://congdansotieuhoc.edu.vn/wp-content/uploads/2024/09/4-Khung-NLS-va-de-xuat-noi-dung-GDKNCDS-o-cap-tieu-hoc_26.12_V2.pdf, ngày truy cập 02/10/2025
23. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/89243/174/phat-trien-ky-nang-cong-dan-so-cho-hoc-sinh-pho-thong/>, ngày truy cập 02/10/2025
24. <https://thdaiban1.haiphong.edu.vn/cong-tac-chuyen-mon/chuyen-de-chuyen-mon-cap-truong-day-hoc-tich-hop-noi-dung-giao-duc-ki-nang-cong/ctmb/25447/250762?gidzl=mVUrAPAGF1x7xx4ja8Sv6yVbj2oBrpyVZR2mAjY7QXY2jE0eq8TkIeJXwtlMWsLErk3gVpPYKRm4a9Ou6W>, ngày truy cập 02/10/2025
25. <https://baophuyen.vn/79/319227/giao-duc-ky-nang-cong-dan-so-o-cap-tieu-hoc.html>, ngày truy cập 02/10/2025
26. <https://ieeexplore.ieee.org/document/10025120>, ngày 02/10/2025

PHỤ LỤC
PHỤ LỤC 1
PHIẾU KHẢO SÁT GIÁO VIÊN
VỀ THỰC TRẠNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC KỸ NĂNG CÔNG DÂN SỐ
TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN – XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC

Kính chào Quý Thầy/Cô!

Nhằm góp phần nâng cao chất lượng dạy - học nói chung, dạy học môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh nói riêng, nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát về việc *tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội*. Ý kiến của Quý Thầy/Cô là nguồn dữ liệu quan trọng giúp nhóm nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phù hợp.

Mọi thông tin trong phiếu khảo sát được bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu khoa học.

Rất mong nhận được sự hợp tác của Quý Thầy/Cô!

A. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên giáo viên:

Đơn vị công tác:

Số điện thoại:

Email (nếu có):

Thầy/Cô có đang trực tiếp giảng dạy môn Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học không?

☐ Có

☐ Không

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Thầy/Cô đánh dấu “X” vào phương án phù hợp.

1. Thầy/Cô hiểu biết ở mức độ nào về kỹ năng công dân số?

☐ Chưa từng nghe

☐ Hiểu cơ bản

☐ Biết nhưng chưa rõ

☐ Hiểu rõ và có thể vận dụng

2. Theo Thầy/Cô, việc giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh tiểu học có cần thiết không?

☐ Rất cần thiết

☐ Bình thường

☐ Cần thiết

☐ Không cần thiết

3. Những kỹ năng công dân số nào sau đây cần được hình thành cho học sinh tiểu học? (Có thể chọn nhiều đáp án)

☐ Sử dụng thiết bị số an toàn

☐ Giao tiếp, ứng xử văn minh trên môi trường số

☐ Nhận biết và tránh thông tin xấu, độc

☐ Bảo vệ thông tin cá nhân

☐ Hợp tác và chia sẻ tích cực trên môi trường số

☐ Khác:

4. Thầy/Cô đã từng tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội chưa?

☐ Thường xuyên

☐ Rất ít

☐ Thỉnh thoảng

☐ Chưa bao giờ

5. Các hình thức tích hợp Thầy/Cô thường sử dụng là gì? (Có thể chọn nhiều đáp án)

☐ Thông qua tình huống, câu chuyện thực tế

☐ Qua hoạt động nhóm, thảo luận

☐ Qua video, hình ảnh, học liệu số

☐ Qua trò chơi học tập

☐ Qua dự án học tập nhỏ

☐ Khác:

6. Việc tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số mang lại những lợi ích gì cho học sinh? (Có thể chọn nhiều đáp án)

☐ Tăng hứng thú học tập

☐ Hình thành thói quen sử dụng công nghệ an toàn

☐ Phát triển kỹ năng giao tiếp, hợp tác

- ☐ Nâng cao ý thức trách nhiệm khi tham gia môi trường số
- ☐ Gắn kiến thức bài học với thực tiễn
- ☐ Khác:

7. Những khó khăn Thầy/Cô gặp phải khi tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số là: (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Thiếu tài liệu hướng dẫn cụ thể
- ☐ Chưa được tập huấn chuyên sâu
- ☐ Hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị
- ☐ Học sinh còn nhỏ, khó tiếp cận khái niệm trừu tượng
- ☐ Thiếu thời gian trong tiết học
- ☐ Khác:

8. Theo Thầy/Cô, những giải pháp nào sau đây sẽ hỗ trợ hiệu quả cho giáo viên? (Có thể chọn nhiều đáp án)

- ☐ Xây dựng tài liệu hướng dẫn tích hợp cụ thể theo từng bài học
- ☐ Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho giáo viên
- ☐ Bổ sung học liệu số phù hợp với HS tiểu học
- ☐ Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học
- ☐ Khác:

9. Đề xuất của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả tích hợp giáo dục kĩ năng công dân số trong dạy học môn Tự nhiên và Xã hội:

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Quý Thầy/Cô!

PHỤ LỤC 2

TRANG SGK CỦA KẾ HOẠCH BÀI DẠY ĐƯỢC THIẾT KẾ

1. Tự nhiên và Xã hội 1

BÀI 3 Đồ dùng trong nhà

Kể tên một số đồ dùng có trong nhà em. Em thích đồ dùng nào nhất?

1. Nhìn hình và kể tên các đồ dùng trong nhà Minh. Chúng được dùng làm gì?

GIF

Mẹ ơi, con để bình nước này vào tủ lạnh cho mát nhé!

Ừ, con nhớ đóng kín cánh tủ nhé.

1

2. Minh và em gái đang làm gì? Nêu tác dụng của các việc làm đó.





Chơi trò chơi: Hỏi – đáp về các đồ dùng trong nhà.



Gia đình em thường làm gì để giữ gìn đồ dùng? Nói lợi ích của các việc làm đó.



Bài 4: An toàn khi sử dụng đồ dùng trong nhà



Cắm phích điện đúng cách.



1

X



2

X



3

✓

20



1. Điều gì có thể xảy ra với bạn nhỏ trong hình sau?
2. Em sẽ làm gì nếu gặp tình huống đó?



2. Tự nhiên và Xã hội 2

Bài 2

NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI LỚN TRONG GIA ĐÌNH



Hãy kể tên công việc hoặc nghề nghiệp của một người lớn mà em biết.



1. Tìm hiểu về công việc hoặc nghề nghiệp của người lớn trong gia đình em theo gợi ý dưới đây:

- Tên công việc hoặc nghề nghiệp.
- Lợi ích của công việc hoặc nghề nghiệp.



2. Chỉ và nói về công việc hoặc nghề nghiệp của những người trong các hình sau.



2



3





3. Hoàn thành Phiếu học tập theo gợi ý sau về một công việc hoặc nghề nghiệp trong các hình trên.

PHIẾU HỌC TẬP

- Tên công việc hoặc nghề nghiệp
- Nơi làm việc
- Công việc hoặc nghề nghiệp có mang lại thu nhập không?
- Lợi ích của công việc hoặc nghề nghiệp



1. Kể tên một số công việc hoặc nghề nghiệp có thu nhập khác mà em biết.
2. Nói về nghề nghiệp của một người lớn trong gia đình em.

Bài 11: Hoạt động mua bán hàng hóa



Quan sát các hình dưới đây và cho biết:

1. Hoạt động mua bán hàng hoá thường diễn ra ở đâu?
2. Những điểm khác nhau trong cách trưng bày, mua, bán hàng hoá ở những nơi đó.
3. Vì sao cần lựa chọn hàng hoá trước khi mua?





Chuẩn bị cho năm học mới, em cùng các bạn lập kế hoạch mua đồ dùng học tập.

1. Hãy kể tên những đồ dùng học tập cần mua.
2. Lập danh sách mua các loại đồ dùng đó theo thứ tự ưu tiên.

STT	Tên đồ dùng	Số lượng	Nơi mua
1	Bút viết	2	Cửa hàng A
2	?	?	?



Em hãy đề xuất cách lựa chọn khi mua một loại hàng hoá.



Trong cuộc sống hằng ngày, ai cũng cần đến thực phẩm, đồ uống, trang phục, đồ dùng,... Khi mua hàng hoá, em cần lựa chọn cẩn thận nhé!

Tuyệt vời!

Mình đã mua được hộp bút màu rất ưng ý.



3. Tự nhiên và Xã hội 3

Bài
2

PHÒNG TRÁNH HOẢ HOẠN KHI Ở NHÀ



Em đã bao giờ nhìn thấy cháy nhà chưa? Ở đâu?



1. Quan sát hình và trả lời câu hỏi:

- Điều gì có thể xảy ra trong mỗi hình?
- Những nguyên nhân nào dẫn đến cháy nhà?



1



2



3



4

- Những nguyên nhân khác có thể gây cháy nhà.



2. Nếu những thiệt hại có thể xảy ra về người và tài sản do hoả hoạn.



5

12

3. Mọi người trong các hình dưới đây đang làm gì? Nêu nhận xét của em về cách ứng xử của mọi người trong các hình đó.



1. Điều tra, phát hiện những thứ dễ gây cháy trong nhà em theo gợi ý sau:

Các thứ dễ gây cháy	Nguy cơ gây cháy	Đề xuất của em
Can xăng	Đề gần bếp lửa	Không để gần bếp lửa
?	?	?
?	?	?
?	?	?

DI TÍCH LỊCH SỬ - VĂN HOÁ VÀ CẢNH QUAN THIÊN NHIÊN



Em đã từng đi tham quan ở đâu? Kể về điều em thích nhất ở nơi đó.



1. Chọn một trong các địa danh dưới đây và nói những điều em biết về nơi đó.



Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh



Kinh thành Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế



3

Bến Nhà Rồng, Thành phố Hồ Chí Minh



4



Ở vịnh Hạ Long
có rất nhiều hòn đảo,
hang động
và bãi biển đẹp.

2. Kể tên một số di tích lịch sử – văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương em.



EM CỎ BIẾT

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Đến năm 2020, UNESCO đã công nhận 8 di sản thế giới tại Việt Nam, bao gồm Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Quần thể di tích cố đô Huế (Thừa Thiên Huế), Khu di tích Mỹ Sơn, Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng (Quảng Bình), Quần thể danh thắng Tràng An (Ninh Bình), Hoàng thành Thăng Long (Hà Nội) và Thành nhà Hồ (Thanh Hoá).



Sưu tầm tranh ảnh, thông tin và giới thiệu về một di tích lịch sử – văn hoá hoặc cảnh quan thiên nhiên ở địa phương em.



5

Đây là một di tích
lịch sử – văn hoá
ở địa phương mình đấy.

49

PHỤ LỤC 3
PHIẾU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ
VIỆC TÍCH HỢP GIÁO DỤC KĨ NĂNG CÔNG DÂN SỐ
TRONG DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI Ở TIỂU HỌC

Tiêu chí đánh giá	Rất tốt (4)	Tốt (3)	Đạt (2)	Chưa đạt (1)	Góp ý cụ thể (nếu có)
1. Nội dung khoa học chính xác, phù hợp chương trình					
2. Thông tin trình bày rõ ràng, dễ hiểu với học sinh lớp 1,2,3					
3. Thiết kế hỗ trợ tốt cho giáo viên trong quá trình dạy học					
4. Đảm bảo thời lượng tiết học					
5. Gợi mở được tư duy và kích thích sự tò mò tìm hiểu của học sinh					
6. Tạo cảm hứng và niềm vui học tập cho học sinh					

Họ và tên giáo viên nhận xét:

Đơn vị công tác:.....